

Số: /KH-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2023

Trong thời gian qua, các cấp, các ngành, các địa phương trên địa bàn tỉnh đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính và đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) của tỉnh năm 2022 không đạt được mục tiêu theo kế hoạch đã đề ra.

Kết quả xếp hạng các Chỉ số liên quan đến công tác cải cách hành chính của tỉnh năm 2022 cho thấy có 1/4 chỉ số tăng hạng so với năm 2021, 3/4 chỉ số tụt hạng so với năm 2021, cụ thể: Chỉ số SIPAS xếp hạng 21/63 tỉnh, thành phố, tăng 02 bậc so với năm 2021; Chỉ số PCI xếp hạng 21/63 tỉnh, thành phố, giảm 10 bậc so với năm 2021; Chỉ số PAPI xếp hạng 38/61 tỉnh, thành phố, giảm 01 bậc so với năm 2021; Chỉ số cải cách hành chính xếp hạng 33/63 tỉnh, thành phố, giảm 03 bậc so với năm 2021.

Nguyên nhân chủ yếu của đa số các chỉ số đạt điểm thấp là do người đứng đầu chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính; công tác tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh ở một số đơn vị còn chậm, bị động, thiếu quyết liệt; tinh thần thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa cao; vẫn còn nhiều phản ánh về việc trễ hẹn, phiền hà trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thuế, đất đai, đầu tư, xây dựng...;

Nhằm tiếp tục phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong các chỉ số cải cách hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số PCI, Chỉ số PAPI, Chỉ số SIPAS, Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2023 và những năm tiếp theo với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Thực hiện các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế của công tác cải cách hành chính đã được chỉ ra qua kết quả đánh giá Chỉ số PCI, Chỉ số PAPI, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAR INDEX tỉnh Bình Định năm 2022. Nâng

cao tinh thần, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương; cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong nỗ lực cải thiện Chỉ số PCI, Chỉ số PAPI, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAR INDEX tỉnh Bình Định năm 2023.

2. Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra về nghiệp vụ chuyên ngành theo ngành dọc thuộc lĩnh vực quản lý; tham mưu, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chấn chỉnh kịp thời các sai phạm, thiếu sót về chuyên môn thuộc lĩnh vực phụ trách, quản lý.

3. Gắn công tác kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này với kiểm tra thực thi công vụ và kiểm tra thực hiện Quy chế dân chủ theo từng nội dung, công việc cụ thể của các cấp chính quyền, nhất là cấp cơ sở; thực hiện việc theo dõi, giám sát thường xuyên việc thực hiện các nội dung sau kiểm tra, xử lý trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân sai phạm, không chủ động triển khai nhiệm vụ được giao hoặc né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, chậm khắc phục các tồn tại, hạn chế đã chỉ ra.

4. Việc thực hiện phải thực chất, hiệu quả; lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm của các tập thể, cá nhân liên quan.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Nỗ lực, tập trung cải thiện điểm số các chỉ số thành phần, tăng dần vị trí xếp hạng Chỉ số PCI. Năm 2023, tỉnh Bình Định nằm trong nhóm địa phương có chất lượng điều hành “Tốt”. Phấn đấu điểm số PCI đạt trên 68,5 điểm, xếp vị trí 10-15/63 tỉnh, thành phố trên cả nước, 03/14 tỉnh Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền trung, trong đó điểm các chỉ số thành phần cụ thể như sau:

| STT | Tiêu chí / Tiêu chí thành phần | Chỉ số năm 2022 (Vị trí) | Chỉ tiêu năm 2023 (Vị trí) |
|-----|---|-----------------------------|-------------------------------|
| 1 | Chi phí gia nhập thị trường | 7,25 (Vị trí 11) | 7,5 (Vị trí 5) |
| 2 | Tiếp cận đất đai | 7,21 (Vị trí 18) | 7,30 (Vị trí 10) |
| 3 | Tính minh bạch | 5,97 (Vị trí 34) | 6,23 (Vị trí 19) |
| 4 | Chi phí thời gian | 6,83 (Vị trí 48) | 8,14 (Vị trí 21) |
| 5 | Chi phí không chính thức | 6,79 (Vị trí 46) | 7,42 (Vị trí 20) |
| 6 | Môi trường cạnh tranh bình đẳng | 7,36 (Vị trí 1) | 7,40 (Vị trí 1) |
| 7 | Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh | 7,36 (Vị trí 22) | 7,62 (Vị trí 11) |
| 8 | Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp | 5,39 (Vị trí 53) | 7,13 (Vị trí 30) |

| STT | Tiêu chí / Tiêu chí thành phần | Chỉ số năm 2022 | Chỉ tiêu năm 2023 |
|-----|--------------------------------|---------------------|---------------------|
| 9 | Đào tạo lao động | 5,46 (Vị trí 35) | 6,21 (Vị trí 23) |
| 10 | Thiết chế pháp lý | 8,04 (Vị trí 9) | 8,35 (Vị trí 2) |

Chỉ tiêu các chỉ số thành phần cụ thể của chỉ số PCI được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm.

2. Phần đầu kết quả Chỉ số PAPI năm 2023 trong Nhóm các tỉnh, thành phố Trung bình cao trở lên, xếp vị trí 20/63 tỉnh, thành phố cả nước, 05/14 tỉnh Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền trung. Kết quả các chỉ tiêu cụ thể như sau:

| STT | CHỈ SỐ NỘI DUNG/ THÀNH PHẦN | Năm 2022 | Chỉ tiêu năm 2023 |
|----------|--|----------------------------|---------------------------------|
| 1 | Tham gia người dân ở cấp cơ sở | 4.34 (Vị trí 41) | 5.00/10.0 (Vị trí 20) |
| 1.1 | Tri thức công dân | 0.88 | 1.00/2.5 |
| 1.2 | Cơ hội tham gia của người dân | 1.25 | 1.38/2.5 |
| 1.3 | Chất lượng bầu cử | 1.24 | 1.37/2.5 |
| 1.4 | Đóng góp tự nguyện | 0.96 | 1.25/2.5 |
| 2 | Công khai, minh bạch | 5.04 (Vị trí 52) | 6.00/10.0 (Vị trí 20) |
| 2.1 | Tiếp cận thông tin | 0.74 | 1.25/2.5 |
| 2.2 | Danh sách hộ nghèo | 1.6 | 1.75/2.5 |
| 2.3 | Ngân sách cấp xã | 1.36 | 1.50/2.5 |
| 2.4 | Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất, khung giá đền bù | 1.34 | 1.50/2.5 |
| 3 | Trách nhiệm giải trình với người dân | 4.14 (Vị trí 52) | 4.50/10.0 (Vị trí 20) |
| 3.1 | Hiệu quả tương tác với các cấp chính quyền | 1.96 | 2.00/3.33 |
| 3.2 | Giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân | 0.44 | 0.50/3.33 |
| 3.3 | Tiếp cận dịch vụ tư pháp | 1.74 | 2.00/3.33 |
| 4 | Kiểm soát tham nhũng khu vực công | 7.07 (Vị trí 10) | 7.50/10.0 (Vị trí 08) |
| 4.1 | Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền | 1.84 | 2.00/2.5 |
| 4.2 | Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công | 2.11 | 2.25/2.5 |

| STT | CHỈ SỐ NỘI DUNG/ THÀNH PHẦN | Năm 2022 | Chỉ tiêu năm 2023 |
|----------|---|-----------------------------------|--|
| 4.3 | Công bằng trong tuyển dụng vào cơ quan nhà nước | 1.21 | 1.25/2.5 |
| 4.4 | Quyết tâm chống tham nhũng | 1.91 | 2.00/2.5 |
| 5 | Thủ tục hành chính công | 7.04 (Vị trí 55) | 7.50/10.0 (Vị trí 20) |
| 5.1 | Chứng thực, xác nhận | 2.39 | 2.50/3.33 |
| 5.3 | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 2.18 | 2.25/3.33 |
| 5.4 | Thủ tục hành chính cấp xã/phường | 2.46 | 2.75/3.33 |
| 6 | Cung ứng dịch vụ công | 7.81 (Vị trí 18) | 8.00/10.0 (Vị trí 15) |
| 6.1 | Y tế công lập | 2 | 2.00/2.5 |
| 6.2 | Giáo dục tiểu học công lập | 1.98 | 2.00/2.5 |
| 6.3 | Cơ sở hạ tầng căn bản | 1.84 | 2.00/2.5 |
| 6.4 | An ninh trật tự | 1.98 | 2.00/2.5 |
| 7 | Quản trị môi trường | 3.36 (Vị trí 39) | 4.00/10.0 (Vị trí 20) |
| 7.1 | Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường | 1.07 | 1.25/3.33 |
| 7.2 | Chất lượng không khí | 1.87 | 2.00/3.33 |
| 7.3 | Chất lượng nước | 0.43 | 0.75/3.33 |
| 8 | Quản trị điện tử | 2.87 (Vị trí 44) | 4.00/10.0 (Vị trí 20) |
| 8.1 | Sử dụng cổng thông tin điện tử | 0.41 | 1.00/3.33 |
| 8.2 | Sử dụng internet tại địa phương | 2.08 | 2.25/3.33 |
| 8.3 | Phúc đáp qua cổng thông tin điện tử | 0.38 | 0.75/3.33 |

3. Phân đầu kết quả Chỉ số SIPAS năm 2023 đạt từ 85% trở lên; nằm trong nhóm 20/63 địa phương dẫn đầu cả nước, vị trí 05/14 tỉnh Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền trung. Kết quả các chỉ tiêu cụ thể như sau:

| TT | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần | Năm 2022 | Chỉ tiêu năm 2023 |
|----------|--|-----------------------------------|-----------------------------------|
| | | Điểm | Điểm |
| I | VIỆC BAN HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH | 84.5 (Vị trí 27) | 84.5 (Vị trí 15) |
| 1 | Trách nhiệm giải trình của cơ quan | 84 | 84 |
| 2 | Sự tham gia của người dân vào quá trình xây | 84 | 84 |

| TT | Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần | Năm 2022 | Chỉ tiêu năm 2023 |
|-----------|--|-------------------------|-------------------------|
| | dựng, tổ chức thực hiện chính sách | | |
| 3 | Chất lượng chính sách | 85 | 85 |
| 4 | Kết quả, tác động của chính sách | 85 | 85 |
| II | VIỆC CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG | 85.5 (Vị trí 16) | 85.5 (Vị trí 10) |
| 1 | Tiếp cận dịch vụ | 90 | 90 |
| 2 | Thủ tục hành chính | 88 | 88 |
| 3 | Công chức trực tiếp giải quyết công việc | 82 | 82 |
| 4 | Kết quả dịch vụ (có thể là được cấp giấy tờ hoặc bị từ chối cấp giấy tờ) | 87.5 | 87.5 |
| 5 | Cơ quan chính quyền tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân | 82 | 82 |

4. Phần đầu kết quả Chỉ số PAR INDEX năm 2023 đạt từ 87% trở lên, nằm trong nhóm 25 địa phương dẫn đầu cả nước và vị trí 05/14 tỉnh Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền trung. Kết quả các chỉ tiêu cụ thể như sau:

| TT | Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần | Năm 2022 | | Chỉ tiêu năm 2023 | |
|----|--|----------------------------|--------|-------------------|--------|
| | | Điểm | Vị trí | Điểm | Vị trí |
| 1 | Công tác chỉ đạo điều hành CCHC | 7.53/9.50 (giảm điểm) | 57 | 8.50/9.50 | 20 |
| 2 | Cải cách thể chế | 9.13/10.00 (tăng điểm) | 38 | 9.50/10.00 | 20 |
| 3 | Cải cách thủ tục hành chính | 12.74/13.00 (tăng điểm) | 21 | 12.50/13.00 | 20 |
| 4 | Cải cách tổ chức bộ máy hành chính | 9.35/10.50 (tăng điểm) | 34 | 9.50/10.50 | 20 |
| 5 | Cải cách chế độ công vụ | 13.03/15.00 (tăng điểm) | 12 | 13.50/15.00 | 10 |
| 6 | Cải cách tài chính công | 10.22/12.00 (tăng điểm) | 27 | 11.00/12.00 | 20 |
| 7 | Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số | 10.45/13.50 (giảm điểm) | 29 | 12.00/13.50 | 20 |
| 8 | Tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và các phát triển kt - xh của tỉnh | 12.59/16.50 (giảm điểm) | 41 | 14.00/16.50 | 30 |

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục 2 kèm theo.

2. Ủy ban nhân dân các huyện thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương trên cơ sở nghiên cứu vận dụng Khung nhiệm vụ và giải pháp tại Phụ lục 3 kèm theo.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương trên cơ sở nghiên cứu vận dụng Khung nhiệm vụ và giải pháp tại Phụ lục 4 kèm theo.

(Các Phụ lục nhiệm vụ kèm theo Kế hoạch này)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Người đứng đầu các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện tổ chức các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện Chỉ số PCI, Chỉ số PAPI, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAR INDEX năm 2023.

b) Định kỳ hằng quý, 06 tháng, năm, tổng hợp, đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) thông qua Báo cáo cải cách hành chính định kỳ hoặc báo cáo riêng (trước ngày 15 của tháng cuối kỳ báo cáo).

2. Sở Nội vụ

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; tổng hợp, định kỳ hằng quý, 06 tháng, cuối năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

b) Phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ cải thiện Chỉ số PAPI, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAR INDEX năm 2023, chú trọng kiểm tra đột xuất, chỉ đạo hoặc kiến nghị khắc phục các tồn tại có thời hạn cụ thể; tái kiểm tra việc khắc phục các tồn tại đối với các đơn vị đã được kiểm tra trước đây; chấn chỉnh kịp thời các sai phạm, thiếu sót trong thực thi nhiệm vụ, đặc biệt ở cấp chính quyền cơ sở.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chịu trách nhiệm đề xuất các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đối thoại/diễn đàn với người dân và doanh nghiệp.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bình Định

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao kết quả các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc lĩnh vực Xây dựng và

phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh gắn với việc hoàn thành các mục tiêu và danh mục nhiệm vụ, dự án tại Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025.

- Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bình Định: phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan tổ chức phổ biến Kế hoạch này gắn với công tác tuyên truyền về cải cách thủ tục hành chính, cải thiện và nâng cao Chỉ số PCI, Chỉ số PAPI, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAR INDEX năm 2023 đến các ngành, các cấp nhằm tạo đồng thuận trong xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp, thực hiện vai trò giám sát, phản biện xã hội góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình của chính quyền cơ sở đối với người dân. Tăng cường các hoạt động giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, trong đó phát huy vai trò giám sát của nhân dân trong thực thi công vụ của chính quyền các cấp và trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Thực hiện tốt việc tổng hợp, nắm bắt tình hình nhân dân. Phối hợp tham mưu tổ chức đối thoại trực tiếp, nhằm giải quyết những khó khăn, vấn đề còn vướng mắc ngay từ cơ sở, địa bàn dân cư.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện. Nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Liên đoàn TM&CN Việt Nam;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- BCĐ CTHĐ 09 của Tỉnh ủy;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các ĐVSN thuộc tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- TT các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC, BTCD;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Anh Tuấn

PHỤ LỤC 1
Chỉ tiêu các chỉ số thành phần của Chỉ số PCI
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND
ngày / /2023 của UBND tỉnh)

| STT | Tiêu chí / Tiêu chí thành phần | Chỉ số năm 2022 | Chỉ tiêu năm 2023 |
|------------|--|-----------------------------------|---------------------------------|
| 1 | Chi phí gia nhập thị trường | 7,25 (Vị trí 11) | 7,5 (Vị trí 5) |
| 1.1 | Thời gian đăng ký doanh nghiệp | 7 ngày | 4 ngày |
| 1.2 | Tỷ lệ doanh nghiệp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên | 3% | 3% |
| 1.3 | Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp | 6 ngày | 4 ngày |
| 1.4 | Tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện | 78% | 80% |
| 1.5 | Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai | 93% | 100% |
| 1.6 | Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ | 100% | 100% |
| 1.7 | Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn | 90% | 90% |
| 1.8 | Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện | 87% | 95% |
| 1.9 | Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp | 7% | 50% |
| 1.10 | Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ | 34% | 50% |
| 1.11 | Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện | 36% | 40% |
| 1.12 | Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định | 34% | 40% |
| 1.13 | Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định | 32% | 40% |
| 1.14 | Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật | 32% | 40% |
| 1.15 | Tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp | 0% | 0% |

| STT | Tiêu chí / Tiêu chí thành phần | Chỉ số năm 2022 | Chỉ tiêu năm 2023 |
|------------|---|-----------------------------|-----------------------------|
| 1.16 | Tỷ lệ doanh nghiệp phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp | 0% | 0% |
| 1.17 | Tỷ lệ doanh nghiệp phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện | 7% | 0% |
| 1.18 | Tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động | 7% | 0% |
| 1.19 | Tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn BA tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động | 3% | 0% |
| 2 | Tiếp cận đất đai | 7,21 (Vị trí 18) | 7,30 (Vị trí 10) |
| 2.1 | Số ngày chờ đợi để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 20 | 17 |
| 2.2 | Doanh nghiệp tư nhân không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh | 57% | 70% |
| 2.3 | Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch | 19% | 10% |
| 2.4 | Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm | 14% | 10% |
| 2.5 | Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng | 14% | 10% |
| 2.6 | Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định | 100% | 15% |
| 2.7 | Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ | 36% | 10% |
| 2.8 | Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian | 50% | 20% |
| 2.9 | Doanh nghiệp đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao) | 1.57 | 1.4 |
| 2.10 | Tỷ lệ doanh nghiệp tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất | 43% | 47% |
| 2.11 | Sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường | 84% | 90% |
| 2.12 | Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục | 88% | 90% |

| STT | Tiêu chí / Tiêu chí thành phần | Chỉ số năm 2022 | Chỉ tiêu năm 2023 |
|------------|---|-----------------------------|-----------------------------|
| 2.13 | Tỷ lệ doanh nghiệp có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu | 35% | 10% |
| 2.14 | Tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn / hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai | 83% | 20% |
| 3 | Tính minh bạch | 5,97 (Vị trí 34) | 6,23 (Vị trí 19) |
| 3.1 | Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ) | 3.16 | 3.5 |
| 3.2 | Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ) | 3.22 | 3.5 |
| 3.3 | Minh bạch trong đấu thầu | 40% | 70% |
| 3.4 | Tỷ lệ doanh nghiệp nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp | 56% | 90% |
| 3.5 | Số ngày chờ đợi để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu | 3 | 1 |
| 3.6 | Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích | 29% | 40% |
| 3.7 | Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích | 80% | 90% |
| 3.8 | Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích | 43% | 50% |
| 3.9 | Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích | 43% | 65% |
| 3.10 | Cần có "môi quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh | 21% | 15% |
| 3.11 | Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh | 60% | 15% |
| 3.12 | Thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp | 36% | 15% |
| 3.13 | Vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng | 86% | 90% |
| 3.14 | Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (% Có thể) | 19% | 50% |
| 3.15 | Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh | 19% | 50% |
| 3.16 | Chất lượng website của tỉnh (100 điểm) | 53.53 điểm | 60 điểm |

| STT | Tiêu chí / Tiêu chí thành phần | Chỉ số năm 2022 | Chỉ tiêu năm 2023 |
|----------|--|-----------------------------|-----------------------------|
| 3.17 | Tỷ lệ doanh nghiệp thường xuyên truy cập vào website của UBND tỉnh | 29% | 60% |
| 4 | Chi phí thời gian | 6,83 (Vị trí 48) | 8,14 (Vị trí 21) |
| 4.1 | Tỷ lệ doanh nghiệp dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước | 21% | 10% |
| 4.2 | Cán bộ nhà nước thân thiện | 90% | 95% |
| 4.3 | Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả | 90% | 95% |
| 4.4 | Doanh nghiệp không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký | 85% | 90% |
| 4.5 | Thủ tục giấy tờ đơn giản | 83% | 90% |
| 4.6 | Phí, lệ phí được công khai | 94% | 100% |
| 4.7 | Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định | 89% | 92% |
| 4.8 | Tỷ lệ doanh nghiệp không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến | 47% | 70% |
| 4.9 | Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian cho doanh nghiệp | 47% | 70% |
| 4.10 | Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp | 47% | 70% |
| 4.11 | Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp | 0% | 0% |
| 4.12 | Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm | 11% | 3% |
| 4.13 | Tỷ lệ doanh nghiệp nhận thấy cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ nhũng nhiễu doanh nghiệp | 2% | 0% |
| 4.14 | Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc | 24 | 3 |
| 5 | Chi phí không chính thức | 6,79 (Vị trí 46) | 7,42 (Vị trí 20) |
| 5.1 | Các doanh nghiệp cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức | 63% | 25% |
| 5.2 | Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức | 68% | 40% |
| 5.3 | Hiện tượng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp là phổ biến | 78% | 55% |

| STT | Tiêu chí / Tiêu chí thành phần | Chỉ số năm 2022 | Chỉ tiêu năm 2023 |
|------------|--|------------------------|--------------------------|
| 5.4 | Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được | 88% | 95% |
| 5.5 | Tỷ lệ doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra | 11% | 5% |
| 5.6 | Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN / sửa đổi ĐKDN | 0% | 0% |
| 5.7 | Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện | 8% | 1% |
| 5.8 | Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra phòng cháy, chữa cháy | 35% | 15% |
| 5.9 | Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường | 22% | 10% |
| 5.10 | Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường | 32% | 10% |
| 5.11 | Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế | 77% | 15% |
| 5.12 | Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng | 89% | 30% |
| 5.13 | Doanh nghiệp phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức | 1% | 0.8% |
| 5.14 | Tỷ lệ doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai | 53% | 20% |
| 5.15 | Chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu | 58% | 20% |
| 5.16 | Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến | 23% | 0% |
| 6 | Môi trường cạnh tranh bình đẳng | 7,36 (Vị trí 1) | 7,40 (Vị trí 1) |
| 6.1 | Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác | 86% | 90% |
| 6.2 | Tỉnh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước | 44% | 35% |
| 6.3 | Tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước | 33% | 20% |
| 6.4 | Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn | 29% | 25% |

| STT | Tiêu chí / Tiêu chí thành phần | Chỉ số năm 2022 | Chỉ tiêu năm 2023 |
|------------|---|-----------------------------|-----------------------------|
| 6.5 | Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn | 18% | 15% |
| 6.6 | Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn | 18% | 10% |
| 6.7 | Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn | 11% | 5% |
| 6.8 | Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn | 21% | 0% |
| 6.9 | Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn | 18% | 5% |
| 6.10 | Việc tinh ưu ái cho doanh nghiệp lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp | 48% | 30% |
| 6.11 | "Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh" | 63% | 30% |
| 7 | Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh | 7,36 (Vị trí 22) | 7,62 (Vị trí 11) |
| 7.1 | Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực | 69% | 90% |
| 7.2 | Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: "trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo" và "không làm gì" | 14% | 10% |
| 7.3 | Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh | 75% | 25% |
| 7.4 | UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi | 95% | 100% |
| 7.5 | UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh | 90% | 100% |
| 7.6 | Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố | 81% | 20% |
| 7.7 | Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh | 90% | 100% |
| 7.8 | Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán | 48% | 70% |
| 7.9 | Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình | 83% | 95% |

| STT | Tiêu chí / Tiêu chí thành phần | Chỉ số năm 2022 | Chỉ tiêu năm 2023 |
|------------|--|-----------------------------|-----------------------------|
| 8 | Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp | 5,39 (Vị trí 53) | 7,13 (Vị trí 30) |
| 8.1 | Thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa dễ thực hiện | 70% | 100% |
| 8.2 | Thủ tục để được CQNN hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp dễ thực hiện | 69% | 100% |
| 8.3 | Thủ tục để được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm công nghiệp là dễ thực hiện | 68% | 80% |
| 8.4 | Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN dễ thực hiện | 77% | 85% |
| 8.5 | Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN dễ thực hiện | 69% | 85% |
| 8.6 | Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp dễ thực hiện | 72% | 90% |
| 8.7 | Thủ tục để được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động dễ thực hiện | 76% | 85% |
| 8.8 | Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp | 41% | 70% |
| 8.9 | Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả | 57% | 65% |
| 8.10 | Tỷ lệ doanh nghiệp có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs | 56% | 60% |
| 8.11 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi | 8% | 65% |
| 8.12 | Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp | 0.86% | 1.38% |
| 8.13 | Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ | 76% | 85% |
| 9 | Đào tạo lao động | 5,46 (Vị trí 35) | 6,21 (Vị trí 23) |
| 9.1 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng | 53% | 65% |

| STT | Tiêu chí / Tiêu chí thành phần | Chỉ số năm 2022 | Chỉ tiêu năm 2023 |
|------------|---|----------------------------|----------------------------|
| 9.2 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng | 39% | 43% |
| 9.3 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng | 31% | 40% |
| 9.4 | Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh | 8.63% | 7% |
| 9.5 | Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh | 10.07% | 8% |
| 9.6 | Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt | 62% | 65% |
| 9.7 | Tỷ lệ lao động tại doanh nghiệp đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp | 47.77% | 49% |
| 9.8 | Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo | 24.96% | 25.2% |
| 9.9 | Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp | 44% | 55% |
| 9.10 | Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt | 67% | 75% |
| 9.11 | Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT | 6.48 điểm | 6.8 điểm |
| 10 | Thiết chế pháp lý | 8,04 (Vị trí 9) | 8,35 (Vị trí 2) |
| 10.1 | Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp doanh nghiệp tố cáo hành vi sai phạm của cán bộ Nhà nước | 52% | 65% |
| 10.2 | Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng | 95% | 100% |
| 10.3 | Tỷ lệ doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp | 74% | 85% |
| 10.4 | Tỷ lệ doanh nghiệp tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm | 73% | 85% |
| 10.5 | Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật | 90% | 98% |
| 10.6 | Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng | 88% | 95% |
| 10.7 | Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng | 88% | 95% |
| 10.8 | Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp | 89% | 95% |
| 10.9 | Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được | 85% | 95% |

| STT | Tiêu chí / Tiêu chí thành phần | Chỉ số năm 2022 | Chỉ tiêu năm 2023 |
|------------|---|------------------------|--------------------------|
| 10.10 | Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được | 83% | 95% |
| 10.11 | Phán quyết của toà án là công bằng | 90% | 98% |
| 10.12 | Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp | 2.37 vụ | 1.51 vụ |
| 10.13 | Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Toà án kinh tế tỉnh | 96% | 96% |
| 10.14 | Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết | 76% | 100% |
| 10.15 | Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt | 73% | 90% |
| 10.16 | Tỷ lệ doanh nghiệp bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua | 4% | 1% |
| 10.17 | Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của doanh nghiệp hiệu quả | 81% | 97% |
| 10.18 | Tỷ lệ doanh nghiệp phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn | 1% | 0% |

PHỤ LỤC 2
Nhiệm vụ, giải pháp cải thiện Chỉ số PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX
của các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|----------|--|--|---|---|----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| I | NHÓM NHIỆM VỤ CHUNG | | | | |
| 1 | Ban hành kế hoạch và phổ biến, quán triệt kế hoạch thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số về cải cách hành chính (PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX) tỉnh năm 2023 cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị. | - Các sở, ban ngành, đơn vị thuộc và trực thuộc UBND tỉnh; - Các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh | - Sở Nội vụ; - Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các hội nghị, hội thảo phổ biến, quán triệt nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về nội dung, các giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số về cải cách hành chính (PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX) | Trước ngày 15/6/2023 |
| | Chỉ đạo, định hướng về thông tin, tuyên truyền những kết quả đạt được, những mặt tích cực liên quan các chỉ số về cải cách hành chính (PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX); đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông; - Văn phòng UBND tỉnh | - Các cơ quan truyền thông; - Các sở, ban, ngành | Tổ chức họp báo định kỳ hằng quý; thường xuyên nắm bắt tình hình, cung cấp thông tin định hướng dư luận cho các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh | Thường xuyên |
| | Tiếp tục rà soát, nâng cấp, hoàn thiện Cổng thông tin điện tử tỉnh và Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy định của pháp luật | - Sở Thông tin và Truyền thông; - Văn phòng UBND tỉnh | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy định của pháp luật | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|---|---|--|---|----------------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| 2 | Tăng cường quản lý nhà nước về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện nghiêm túc đánh giá tác động chính sách trong quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao chất lượng thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. | Sở Tư pháp | <ul style="list-style-type: none"> - Sở Thông tin và Truyền thông; - Các sở, ban, ngành - UBND các huyện, thị xã, thành phố | <p>Thường xuyên rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến môi trường đầu tư kinh doanh, các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp, kịp thời kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp.</p> <p>- Phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện nghiêm túc việc đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, phối hợp rà soát các quy định thủ tục hành chính do tỉnh ban hành, chỉ duy trì những thủ tục hành chính thật sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp và chi phí tuân thủ thấp nhất.</p> <p>Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật; lấy ý kiến nhân dân đối với các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách của trung ương và của tỉnh đảm bảo theo các quy định hiện hành của pháp luật.</p> | Báo cáo kết quả hằng tháng |
| 3 | Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác đối thoại, kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, dự án theo thẩm quyền | <ul style="list-style-type: none"> - Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Ban Quản lý | <ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ngành có liên quan; - Ngân hàng | <p>Tổ chức (từ 02 lần trở lên) đối thoại giữa Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh với doanh nghiệp</p> <p>Nâng cao chất lượng phối hợp</p> | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|--|--|---|--|----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | được giao; hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã cấp phép đầu tư; tăng cường công tác hậu kiểm, xử lý các dự án đầu tư chậm tiến độ. | Khu kinh tế | Nhà nước chi nhánh tỉnh | giữa các cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết thủ tục hành chính và trả lời, giải quyết dứt điểm các kiến nghị của doanh nghiệp, góp phần củng cố niềm tin của doanh nghiệp vào hệ thống chính quyền. | |
| | Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tốt công tác tiếp công dân định kỳ; việc tiếp nhận, xử lý các góp ý, phản ánh kiến nghị; đối thoại, gặp gỡ với người dân, tổ chức | Văn phòng UBND tỉnh | - Thanh tra tỉnh; Các sở, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thực hiện tiếp công dân định kỳ đảm bảo theo quy định của pháp luật; Tiếp nhận, xử lý các góp ý, phản ánh kiến nghị và thông báo kết quả công khai đầy đủ những nội dung đã tiếp nhận, xử lý, phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức. | Thường xuyên |
| 4 | Tập trung kiểm tra công vụ; công tác thanh tra, phòng, chống tham nhũng tiêu cực vào các vấn đề, lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm, được dư luận xã hội quan tâm. | - Tổ Kiểm tra công vụ; - Sở Nội vụ; Thanh tra tỉnh | - Các sở, ban, ngành - UBND các huyện, thị xã, thành phố | - Thực hiện Công điện số 280/CĐ-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm trong giải quyết công việc; bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành. - Tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|--|---------------------|---|--|---|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | | | | gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; kiên quyết xử lý nghiêm khi phát hiện cán bộ, công chức có hành vi nhũng nhiễu, khắc phục cơ bản tình trạng gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc. | |
| 5 | Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh, tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch. | Văn phòng UBND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Các sở, ban, ngành, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh - UBND các huyện, thị xã, thành phố | <ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu chỉ đạo xây dựng phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính; xây dựng quy trình thủ tục hành chính nội bộ; quy chế thực hiện cơ chế liên thông, quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính giữa các ngành, giữa các cấp trên địa bàn tỉnh; - Triển khai thực hiện Đề án giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công. Bộ phận một cửa cấp huyện, Bộ phận một cửa cấp xã trên địa bàn tỉnh - Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc | Thường xuyên (Báo cáo kết quả hằng tháng) |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----------|--|--|------------------------------|--|---|----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | | | | | chấn chỉnh việc giải quyết trễ hạn các hồ sơ thủ tục hành chính và xử lý nghiêm các trường hợp thường xuyên để xảy ra tình trạng giải quyết hồ sơ trễ hạn | |
| 6 | Tiếp tục rà soát, hướng dẫn thực hiện công khai, minh bạch ngân sách nhà nước; tham mưu các giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 | | Sở Tài chính | Kho bạc nhà nước; các sở, ngành có liên quan | Kiểm tra, hướng dẫn thực hiện công khai, minh bạch ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định; Đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giải ngân vốn đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công. | Thường xuyên |
| 7 | Tham mưu thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 10/3/2023 Chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025 | | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ngành, cơ quan có liên quan | | Theo Kế hoạch |
| 8 | Tiếp tục thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định | | Công an tỉnh | Các sở, ngành, cơ quan có liên quan | Triển khai thực hiện Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 25/05/2023 ban hành Kế hoạch kiểm tra việc triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Bình Định | Theo Kế hoạch |
| II | CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI) | | | | | |
| 1 | Gia nhập thị trường | Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành phương án đơn giản hóa, | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ngành, cơ | - Tỷ lệ cấp đăng ký kinh doanh (cấp mới và thay đổi đăng ký) | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|-----------------------------|--|--|--|---|----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | | cải tiến quy trình, rút ngắn thời gian đăng ký thành lập, thay đổi, bổ sung: Đăng ký kinh doanh, cấp Giấy chứng nhận đầu tư; thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đăng ký đầu tư trên địa bàn tỉnh | | quan có liên quan | trực tuyến đạt trên 40% hồ sơ; giải quyết đúng thời hạn 100% hồ sơ đăng ký; - Việc đăng ký doanh nghiệp trong 03 ngày và thay đổi đăng ký doanh nghiệp trong 2,5 ngày. | |
| | | Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung vào Danh mục dự án trọng điểm thu hút đầu tư vào tỉnh giai đoạn 2021-2025. Tập trung thu hút các dự án đầu tư có chất lượng theo danh mục dự án trọng điểm thu hút đầu tư vào tỉnh; thực hiện hiệu quả Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh giai đoạn 2022-2025. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ngành, cơ quan có liên quan | Ban hành Danh mục dự án mời gọi đầu tư của tỉnh năm 2023 và những năm tiếp theo; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư đối với các nước có nền công nghiệp hiện đại, sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, các dự án có sự lan tỏa và đáp ứng nhu cầu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng hiện đại, bền vững. | |
| 2 | Cạnh tranh bình đẳng | Tăng cường phổ biến chính sách, pháp luật mới và công bố đầy đủ các quy định về điều kiện kinh doanh cho các doanh nghiệp trên Cổng Thông tin điện tử; Công Dịch vụ công tỉnh | - Văn phòng UBND tỉnh; - Sở Tư pháp | Các cơ quan cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện, | Thông tin và hướng dẫn về các quy định về điều kiện kinh doanh trên Cổng dịch vụ công của tỉnh được niêm yết đầy đủ | Thường xuyên |
| | | Thực hiện Quy chế phối hợp về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Định | - Các sở, ban, ngành; | Các tổ chức đại diện doanh nghiệp | Thực hiện công khai, minh bạch về cơ chế chính sách và thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | |
|-----|--|---|---|--|--|--------------------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | | |
| | (ban hành kèm theo Quyết định số 69/2021/QĐUBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh) trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của cơ quan, đơn vị | | trên địa bàn tỉnh. | nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Định | | |
| 3 | Tính năng động và tiên phong của chính quyền | Tham mưu thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Văn phòng UBND tỉnh | Thường xuyên tổ chức đối thoại với doanh nghiệp (từ 02 lần trở lên) để có biện pháp tháo gỡ kịp thời, nhằm động viên các doanh nghiệp yên tâm sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. | Tháng 06/2023 và Tháng 12/2023 |
| | | Thường xuyên tương tác với VCCI nhằm cập nhật thông tin về các hoạt động xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh đến cộng đồng doanh nghiệp cả nước | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ngành, cơ quan có liên quan | Các thông tin về hoạt động xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp được cập nhật đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của VCCI | Thường xuyên |
| | | Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao | Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ngành, cơ quan có liên quan | Các vướng mắc kiến nghị của các doanh nghiệp được báo cáo và giải quyết hằng tuần | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|--|-----------------------------|-------------------------------------|--|----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | Chủ động nắm bắt và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; tăng cường công tác cải cách hành chính, cắt giảm các thủ tục gây phiền hà cho doanh nghiệp; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong Khu kinh tế, các Khu công nghiệp đối với các lĩnh vực như: quy hoạch, xây dựng, môi trường, lao động... | Ban Quản lý Khu kinh tế | Các sở, ngành, cơ quan có liên quan | | Thường xuyên |
| | Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ nhằm xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tham mưu cơ chế hỗ trợ cho các doanh nghiệp trẻ và cho các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp, phát triển. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, cơ quan có liên quan | Chính sách hỗ trợ của tỉnh cho các doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh | Tháng 12/2023 |
| | Tham mưu UBND tỉnh ban hành Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2023 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ngành, cơ quan có liên quan | - Quyết định ban hành Chương trình xúc tiến đầu tư của tỉnh - Thường xuyên đăng tải các thông tin về các dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư của tỉnh trên Cổng thông tin điện tử và tuyên truyền về các hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh | Tháng 05/2023 |
| 4 | Tiếp cận Rà soát, cải tiến các thủ tục và quy trình giải quyết thủ tục hành chính | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ngành, cơ | Thực hiện kết nối liên thông và cung cấp dịch vụ công trực tuyến | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|--------------------|--|-----------------------------|--------------------------------------|---|----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | đất đai | liên quan đến giao đất, cho thuê đất, giải quyết kịp thời các vướng mắc của doanh nghiệp liên quan đến đất đai, tài nguyên, môi trường. Cập nhật kịp thời các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý lên website của sở để các tổ chức, cá nhân tra cứu, thực hiện. Tập trung triển khai các giải pháp nhằm cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đất đai. | | quan có liên quan | toàn trình trong giải quyết thủ tục hành chính về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận sở hữu công trình xây dựng với các thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai | |
| | | Rà soát, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định pháp luật về quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất đai; đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp tạo quỹ đất sạch tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh và phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở , ngành, cơ quan có liên quan | | Thường xuyên |
| | | Tăng cường quản lý nhà nước về đất đai; điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030 để phù hợp với quy hoạch tỉnh. | Sở Tài nguyên và Môi trường | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Danh mục sử dụng đất trình HĐND phê duyệt hằng năm | Thường xuyên |
| | | Tham mưu đề xuất UBND tỉnh thực hiện lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất thông qua hình | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở , ngành, cơ quan có liên | UBND tỉnh phê duyệt danh mục các dự án đầu thầu sử dụng đất để đăng tải công khai nhằm mời gọi | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | |
|-----|---|--|--|--|--|--------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | | |
| | thức đấu thầu dự án có sử dụng đất theo quy định, tạo điều kiện cho các Nhà đầu tư sớm có điều kiện triển khai công tác chuẩn bị đầu tư thực hiện dự án. | | quan | các nhà đầu tư có tiềm lực, tiềm năng. | | |
| | Phối hợp cùng các doanh nghiệp để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, sớm bàn giao mặt bằng sạch cho các doanh nghiệp để triển khai dự án | Ban Quản lý Khu kinh tế; Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng tỉnh; Ban quản lý dự án giao thông; Ban quản lý dự án nông nghiệp và Phát triển nông thôn | - Các sở, ngành, cơ quan có liên quan - UBND các huyện, thị xã, thành phố | Hoàn thành sớm việc bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư. | Thường xuyên | |
| 5 | Tính minh bạch | Cung cấp và công khai kịp thời các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch đầu tư công, kế hoạch vốn ngân sách, quy hoạch ngành, lĩnh vực, danh mục dự án thu hút đầu tư; các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư. | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Văn phòng UBND tỉnh | - Các sở, ngành, cơ quan có liên quan - UBND các huyện, thị xã, thành phố | Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, địa phương và Trang thông tin điện tử xúc tiến đầu tư và hợp tác của tỉnh được cập nhật đầy đủ các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cơ chế chính sách... | Thường xuyên |
| | | Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết đối với các dự án quan trọng do Ủy ban nhân | Sở Xây dựng | Các sở, ngành, cơ quan có liên | - Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết đối với các dự án quan trọng do Ủy ban | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|--|---------------------|-------------------------------------|--|----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | dân tình giao | | quan | nhân dân giao. - Hướng dẫn chủ đầu tư lập các thủ tục triển khai thực hiện dự án theo đúng chức năng và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc theo quy hoạch chi tiết được duyệt | |
| | Đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành để làm cơ sở cho các chủ đầu tư xác định phương án kiến trúc phù hợp với quy định. | Sở Xây dựng | Các sở, ngành, cơ quan có liên quan | - Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị | Thường xuyên |
| | Cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị được phê duyệt để cơ quan xúc tiến đầu tư mời gọi đầu tư theo đúng quy hoạch được phê duyệt | Sở Xây dựng | Các sở, ngành, cơ quan có liên quan | | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | |
|-----|---|---|-------------------------------------|--|--|---------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | | |
| | Xây dựng tài liệu hướng dẫn tra cứu, phân loại dự án đầu tư theo các tiêu chí về môi trường để xác định đối tượng lập hồ sơ môi trường theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; biểu mẫu báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường để tổ chức, cá nhân đề dăng tra cứu xác định đối tượng và chủ động trong việc lập hồ sơ môi trường của dự án lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ngành, cơ quan có liên quan | Đăng tải công khai trên Trang Thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường. | Trong tháng 06/2023 | |
| 6 | Chi phí thời gian | Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đơn giản hóa, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính; quy chế phối hợp giải quyết liên thông các thủ tục hành chính có liên quan với nhau để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ngành, cơ quan có liên quan | Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh | Trong tháng 06/2023 |
| | | Tham mưu UBND tỉnh phương án rút ngắn thời gian thẩm định thủ tục hành chính cấp Giấy phép môi trường. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ngành, cơ quan có liên quan | Thời gian thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là 35 ngày (rút ngắn 15 ngày so với quy định) | Trong tháng 06/2023 |
| 7 | Chi phí | Chấn chỉnh hoạt động thanh tra, | Thanh tra tỉnh | Các sở ban, | Thực hiện phối hợp hoạt động | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|-------------------------|---|------------------------|--------------------------------------|--|----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | không chính thức | kiểm tra doanh nghiệp kém hiệu quả, rà soát, điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp. | | ngành, ban Quản lý Khu kinh tế; | thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đảm bảo hạn chế tối đa sự trùng lặp, chồng chéo; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường, đúng luật pháp của doanh nghiệp | |
| | | Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế, hải quan nhằm cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp; ngăn chặn các hành vi tiêu cực, những nhiễu trong quản lý thuế; giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, những đề xuất, kiến nghị của các doanh nghiệp và người nộp thuế. | Cục Thuế; Cục Hải quan | Các sở , ngành, cơ quan có liên quan | <ul style="list-style-type: none"> - Duy trì việc tổ chức đối thoại với doanh nghiệp, tập trung giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, những đề xuất, kiến nghị của các doanh nghiệp và người nộp thuế. - Công khai cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, bảo đảm 100% hồ sơ hoàn thuế được kiểm tra và 100% hồ sơ khiếu nại của người nộp thuế được giải quyết đúng thời gian quy định của pháp luật. Công khai, minh bạch các quy định của Luật Quản lý thuế, các quy trình thanh tra, giải quyết khiếu nại và hoàn thuế giá trị gia tăng. - Xử lý nghiêm các hành vi gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp nộp thuế, xóa bỏ tình trạng thỏa thuận với doanh nghiệp để mưu lợi và thất thu | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | |
|-----|---------------------------------------|--|-----------------------------------|-------------------------------------|--|------------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | | |
| | | | | thuế. | | |
| 8 | Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp | Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc cho vay hỗ trợ lãi suất 2% theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. | Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh | Các sở, ngành, cơ quan có liên quan | Thực hiện đảm bảo hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ | Theo Kế hoạch năm 2023 |
| | | Tham mưu xây dựng chính sách khuyến khích, ưu đãi phát triển các ngành công nghiệp và xây dựng hạ tầng kỹ thuật các Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; phát triển thị trường dịch vụ hỗ trợ kinh doanh trên địa bàn, hỗ trợ các doanh nghiệp trong công tác đổi mới thiết bị, công nghệ, sản phẩm mới; thực hiện đồng bộ có hiệu quả các cam kết thương mại quốc tế, phối hợp với các ngành triển khai các Hiệp định Thương mại mà Việt Nam đã ký kết đến các doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp tiếp cận, nắm bắt các thuận lợi, cơ hội cũng như thách thức để thực hiện có hiệu quả | Sở Công Thương | Các sở, ngành, cơ quan có liên quan | Chính sách định hướng phát triển các ngành công nghiệp của tỉnh | Tháng 12/2023 |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|--|--|---|--|----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | Tham mưu thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn, phát triển rừng cây gỗ lớn, chuyển đổi đất lúa sang cây trồng cạn, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, chính sách khuyến khích phát triển thủy sản... | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ngành, cơ quan có liên quan | <p>Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới và chuyên giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; đưa cơ giới hoá, khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất, làm tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm trên một đơn vị canh tác.</p> <p>Tạo điều kiện, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn; nâng cao năng lực của các HTX, đẩy mạnh liên doanh, liên kết sản xuất. Tập trung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao giá trị nông sản hàng hóa, đồng thời thực hiện liên kết chuỗi giá trị bền vững và có hiệu quả.</p> | Thường xuyên |
| | Tiếp tục thực hiện đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại | Sở Giao thông vận tải | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố | Ưu tiên đầu tư các dự án hạ tầng giao thông quan trọng, tạo sự lan tỏa, các dự án tạo động lực cho việc phát triển dài hạn, thu hút nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách | Thường xuyên |
| 9 | Đào tạo - Tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 176/QĐ- | Sở Lao động - Thương binh và | Các sở, ban, | Tay nghề của lao động tại tỉnh | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|--------------------|---|---|--|---|----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | lao động | <p>TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030.</p> <p>- Ban hành và thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng đào tạo, dạy nghề trong các cơ sở đào tạo nghề công lập trên địa bàn tỉnh</p> | Xã hội | <p>ngành,</p> <p>- UBND các huyện, thị xã, thành phố</p> <p>- Các trường cao đẳng, đại học, cơ sở đào tạo trên địa bàn</p> | được nâng cao | |
| | | <p>Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, thúc đẩy xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới. Tăng cường quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội.</p> | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Bảo hiểm Xã hội tỉnh | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố | Lao động tại tỉnh đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp | Thường xuyên |
| | | <p>Thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo thường xuyên, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề trên địa bàn tỉnh.</p> | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | <p>Các sở, ban, ngành,</p> <p>- UBND các huyện, thị xã, thành phố</p> <p>- Các trường cao đẳng, đại học, cơ sở</p> | <p>Khuyến khích lao động vùng ven biển, hải đảo và miền núi, nhất là lao động trẻ hiện không có việc làm, tích cực học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế trong thời đại kỹ nguyên số 4.0 để sẵn sàng chủ động gia nhập thị trường lao động, khởi nghiệp. Phát triển các</p> | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | |
|-----|--------------------------|---|----------------------|--|--|---------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | | |
| | | | đào tạo trên địa bàn | hình thức giao dịch việc làm theo hướng hiện đại trên nền tảng công nghệ số; thu hút lao động tại chỗ, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo thích ứng cho lực lượng lao động đang làm việc. | | |
| 10 | Thiết chế pháp lý | Thực hiện Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 21/02/2023 triển khai các hoạt động năm 2023 của Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định | Sở Tư pháp | <ul style="list-style-type: none"> - Các sở ngành có liên quan; - UBND các huyện, thị xã, thành phố | Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật; Thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa | Theo Kế hoạch |
| | | Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện tốt công tác phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, tạo môi trường an ninh an toàn, lành mạnh cho hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. | Công an tỉnh | | Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn phòng cháy, chữa cháy; trật tự an toàn giao thông,... Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; xử lý nghiêm các doanh nghiệp vi phạm pháp luật, buôn lậu, trốn thuế, buôn bán hàng cấm, hàng giả, gian lận thương mại; vi phạm pháp luật về môi trường... đảm bảo bình đẳng quyền của các doanh nghiệp. Tạo môi trường | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|------------|--|---|------------------------|--|--|----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | | | | | lành mạnh, an toàn để doanh nghiệp hoạt động theo đúng quy định của pháp luật. | |
| | | Nâng cao chất lượng hoạt động xét xử, rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp đảm bảo theo quy định của pháp luật | Tòa án nhân dân tỉnh | | Thực hiện giải quyết tranh chấp, phán quyết công bằng, đúng pháp luật để cộng đồng doanh nghiệp tin tưởng, tôn trọng sự bảo vệ của pháp luật | Thường xuyên |
| | | Tổ chức thi hành án đối với các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật liên quan đến doanh nghiệp, nhà đầu tư và các tổ chức tín dụng, ngân hàng, đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp, nhà đầu tư theo quy định của pháp luật | Cục thi hành án dân sự | | Thực hiện nghiêm túc các bản án đã được phán quyết | Thường xuyên |
| III | CHỈ SỐ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI) | | | | | |
| 1 | Tham gia của người dân ở cấp cơ sở | Thực hiện Kế hoạch tuyên truyền, hỗ biến và tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức cán bộ, công chức cấp xã về Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy định của pháp luật có liên quan | Sở Nội vụ; | <ul style="list-style-type: none"> - Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; - Các sở ngành có liên quan; - UBND các huyện, thị xã, thành phố | Nâng cao kiến thức, kỹ năng của cán bộ, công chức cấp xã về thực hiện Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở. | Trước ngày 31/8/2023 |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|---|--|------------------------------------|---|--|----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | <p>Tập trung tuyên truyền, phổ biến, Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện</p> <p>Chỉ đạo Trung tâm trợ giúp pháp lý đẩy mạnh hoạt động trợ giúp pháp lý tại các địa bàn khu dân cư</p> | | Sở Tư pháp | <ul style="list-style-type: none"> - Các sở ngành có liên quan; - UBND các huyện, thị xã, thành phố | Nâng cao trình độ nhận thức, ý thức về quyền lợi và trách nhiệm của người dân vào đời sống chính trị ở cơ sở; đẩy mạnh hiệu quả việc thực hiện các quy định của Luật Tiếp cận thông tin và các quy định của pháp luật. | Thường xuyên |
| 2 | Công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách | Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện quy trình rà soát, xét duyệt và công khai các hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và giải quyết các chế độ chính sách xã hội đảm bảo theo đúng quy định | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | <ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp huyện, - UBND cấp xã | Kiểm tra, phúc tra kết quả xét duyệt, bổ sung hộ nghèo, hộ cận nghèo; đảm bảo người dân biết, nắm danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo được công khai trong 12 tháng qua. | Trước ngày 31/8/2023 |
| | | Kiểm tra, hướng dẫn công khai thu, chi ngân sách theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính. | Sở Tài chính | <ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp huyện, - UBND cấp xã | Thu chi ngân sách cấp huyện, cấp xã được công bố công khai. | Trước ngày 31/8/2023 |
| | | Kiểm tra, hướng dẫn niêm yết công khai, minh bạch, kịp thời các quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, khung giá đền bù | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ngành có liên quan | Người dân biết, nắm bắt các thông tin về quy hoạch – kế hoạch sử dụng đất và giám sát việc thực hiện các dự án, công | |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | |
|-----|--|--|-----------------------------|--|---|----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | | |
| | thu hồi đất; các quy định, chính sách liên quan đến đền bù, hỗ trợ, giải tỏa, tái định cư trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường. | | | trình trên địa bàn dân cư; giúp người dân tin tưởng vào hoạt động quản lý của cơ quan có thẩm quyền. | | |
| 3 | Trách nhiệm giải trình với người dân | Tổ chức kiểm tra đánh giá việc thực hiện trách nhiệm giải trình ở chính quyền cấp cơ sở, chính quyền cấp huyện; kiểm tra công tác xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân đến người có thẩm quyền. | Thanh tra tỉnh | Sở Nội vụ, Sở Tư pháp | Kiểm tra quy chế hoạt động, của Ban tiếp công dân, Ban Thanh tra nhân dân; kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo. | Trước ngày 31/8/2023 |
| 4 | Kiểm soát tham nhũng khu vực công | Thực hiện giám sát, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng của các sở, ngành, địa phương; công khai rộng rãi báo cáo kết quả phòng, chống tham nhũng hàng năm của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng; xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra trường hợp tham nhũng, tiêu cực tại cơ quan, đơn vị nhà nước trên địa bàn tỉnh | Thanh tra tỉnh | - Các sở ngành có liên quan; - BND các huyện, thị xã, thành phố | Tập trung thanh tra, kiểm tra, giám sát cơ quan, địa phương, người đứng đầu... ở những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực và có nhiều khiếu nại, khiếu kiện kéo dài; quan tâm giải quyết dứt điểm những vụ việc gây bức xúc trong cán bộ, công chức và nhân dân. | Thường xuyên |
| | | Thực hiện tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo | Các sở, ngành, cơ quan thực | - Sở Nội vụ; - Thanh tra | Thực hiện công khai, minh bạch và đầy đủ, đảm bảo theo quy | Theo Kế hoạch |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|--------------------------------|--|------------------------------------|---|---|----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | | theo quy định của pháp luật. | hiện tuyển dụng viên chức năm 2023 | tỉnh | định của pháp luật về tuyển dụng viên chức | |
| 5 | Thủ tục hành chính công | Nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính trên lĩnh vực tư pháp, hộ tịch | Sở Tư pháp | - Văn phòng UBND tỉnh; - UBND các huyện, thị xã, thành phố | Rà soát, tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ công chức hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thực hiện đảm bảo theo quy định về công tác giải quyết thủ tục hành chính về chứng thực, hộ tịch | Tháng 6/2023 |
| | | Nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính tại Văn phòng Đăng ký đất đai và các chi nhánh trực thuộc | Sở Tài nguyên và Môi trường; | - Văn phòng UBND tỉnh; - UBND các huyện, thị xã, thành phố | Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính trên lĩnh vực đất đai; Rà soát, thực hiện theo quy định về luân chuyển viên chức lãnh đạo, quản lý và chuyển đổi vị trí công tác tại Văn phòng Đăng ký đất đai và các chi nhánh trực thuộc Văn phòng, nhất là tại các địa phương có dư luận về những nhiều trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai | Trước ngày 31/8/2023 |
| 6 | Cung ứng dịch vụ công | Triển khai các giải pháp cụ thể, đồng bộ nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công; cải tiến, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy trình khám, chữa bệnh; đẩy mạnh ứng dụng công | Sở Y tế | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị, nguồn nhân lực ngành y tế để bảo đảm mọi người dân được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng. | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|---------------------|--|--|---|---|----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | | nghệ thông tin trên lĩnh vực y tế. | | | | |
| | | Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở đào tạo phổ thông trên địa bàn tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các trường; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên về năng lực, kỹ năng giảng dạy và phẩm chất đạo đức của giáo viên trên địa bàn tỉnh | Trước ngày 31/8/2023 |
| | | Rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các công trình cấp nước nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện việc cung cấp nước sạch cho người dân theo chương trình Mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; đảm bảo chất lượng các công trình cấp nước sạch cho nhân dân. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Đảm bảo người dân nông thôn được quyền tiếp cận sử dụng dịch vụ cấp nước sạch; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình và khu vực công cộng, vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh. | Trước ngày 31/8/2023 |
| | | Triển khai các phương án các chương trình, mục tiêu quốc gia về phòng, chống tội phạm, kéo giảm số vụ phạm pháp hình sự; không để xảy ra các hoạt động côn đồ và các loại tội phạm mới. | Công an tỉnh | - Công an huyện; - UBND các huyện, thị xã, thành phố | Tình hình an ninh, trật tự được giữ vững ổn định. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc được đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả; các mô hình về an ninh trật tự được nhân rộng; các khu dân cư, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp đều đăng ký đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự. | Thường xuyên |
| 7 | Quản trị môi | Tuyên truyền giáo dục phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, | Sở Tài nguyên | UBND các huyện, thị xã, | Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----------|---|---|--------------------------------------|--|--|----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | trường | nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý rác thải và vệ sinh môi trường | và Môi trường | thành phố | (ngày 5/6/2023) nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý rác thải và vệ sinh môi trường trong khu dân cư | |
| | | Tăng cường công tác quản lý và chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh. | | - Các đơn vị có liên quan, - UBND các huyện, thị xã, thành phố | Tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm và kịp thời các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường của Doanh nghiệp trên địa bàn. | Trước ngày 31/8/2023 |
| 8 | Quản trị điện tử | Xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông, đảm bảo cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin nhằm thúc đẩy phát triển chính quyền điện tử; các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ nhu cầu cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | - Các sở, ngành có liên quan; - UBND các huyện, thị xã, thành phố | Tuyên truyền, phát động phong trào thi đua thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ; ứng dụng công nghệ số vào trong quản lý, quy trình sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. | Trước ngày 31/8/2023 |
| IV | CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (PAR INDEX) VÀ CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (SIPAS) | | | | | |
| 1 | Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành | Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra công tác cải cách hành chính trong năm báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại, hạn | - Sở Nội vụ - Văn phòng UBND tỉnh | Các cơ quan được kiểm tra | 100% các cơ quan, đơn vị được kiểm tra có báo cáo khắc phục các tồn tại hạn chế mà các đoàn kiểm tra chỉ ra | Tháng 11/2023 |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|------------------------------------|--|---|---|---|-----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | chính | ché trong các đợt kiểm tra | | | | |
| | | Đăng ký sáng kiến mới, giải pháp, biện pháp cải tiến đầy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính trên các lĩnh vực | Các sở, ban, ngành | Sở Nội vụ | Phấn đấu có từ 03 sáng kiến, giải pháp trở lên được công nhận trong kết quả đánh giá chỉ số cải cách chính chính tỉnh năm 2023. | Trước ngày 30/6/2023 |
| 2 | Cải cách thể chế | Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành | 100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định | Thường xuyên |
| 3 | Cải cách thủ tục hành chính | Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; niêm yết công khai đường dây nóng, các quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức | - Các sở, ban, ngành - UBND cấp huyện, | - Văn phòng UBND tỉnh | Thực hiện việc cập nhật tiến độ, kết quả giải quyết 100% hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. | Báo cáo hàng tháng |
| | | Đưa thủ tục hành chính ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt | Văn phòng UBND tỉnh | - Công an tỉnh; - Bảo hiểm xã hội tỉnh | Đạt trên 90% TTHC thuộc ngành dọc quy định tại Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ | Trước ngày 30/11/2023 |
| | | Rà soát, bố trí người có đủ năng lực chuyên môn, có đạo đức tốt, có kinh nghiệm và kỹ năng giao tiếp làm việc tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công. | - Văn phòng UBND tỉnh; - Bưu điện tỉnh | Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan | Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nghiệp vụ và đạo đức công vụ phục vụ tốt yêu cầu của người dân, tổ chức; | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|---|--|-------------------------------------|--|---|-----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| 4 | Cải cách tổ chức bộ máy hành chính | Rà soát, sắp xếp, giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành | Sắp xếp giảm từ 03 đến 05 đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; chuyển đổi Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải tỉnh thành công ty cổ phần | Trước ngày 31/12/2023 |
| 5 | Cải cách chế độ công vụ | Thực hiện đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp của tỉnh; | Sở Nội vụ | Các cơ quan có liên quan | Hoàn thành việc thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trên Hệ thống thông tin quản lý cán bộ công chức, viên chức Quốc gia do Bộ Nội vụ triển khai | Trước ngày 31/12/2023 |
| 6 | Cải cách tài chính công | Tham mưu thực hiện các giải pháp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện giải ngân theo chỉ tiêu, kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước được giao năm 2023 | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành - UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thực hiện giải ngân 100% theo chỉ tiêu, kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước được giao năm 2023 | Trước ngày 31/12/2023 |
| | | Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025 và dự kiến đến năm 2030 | Sở Tài chính | - Các sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh - UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thực hiện đảm bảo theo Kế hoạch đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025 và dự kiến đến năm 2030 | Theo Kế hoạch |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|--|---|------------------------------|--------------------------|--|----------------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| 7 | Xây dựng và phát triển Chính quyền điện, Chính quyền số | Triển khai xây dựng Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số; dịch vụ dữ liệu của tỉnh được kết nối, tích hợp trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) theo quy định. | Sở Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan có liên quan | <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số sử dụng công nghệ điện toán đám mây đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật và kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ; - Đảm bảo 100% số dịch vụ dữ liệu của tỉnh được kết nối, tích hợp trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. | Trước ngày 31/12/2023 |
| | | Thực hiện giải quyết hồ sơ TTHC toàn trình và thanh toán trực tuyến | Các sở, ban, ngành | Văn phòng UBND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Đạt 100% “Số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình/Tổng số dịch vụ công đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình”; - Đạt 40% “hồ sơ giải quyết trực tuyến của dịch vụ công trực tuyến toàn trình/Tổng số hồ sơ giải quyết dịch vụ công trực tuyến toàn trình” - Đạt 100% “Thủ tục hành chính có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến/Tổng số thủ tục hành chính triển khai thanh toán trực tuyến” - Đạt 35% “Thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia/Tổng số giao dịch thanh | Báo cáo kết quả hằng tháng |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|---|---------------------|---------------------------------|--|----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | | | | toán của dịch vụ công” | |
| | Thúc đẩy thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh. | Các sở, ban, ngành | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Đạt tỷ lệ từ 70% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan cấp tỉnh | |

PHỤ LỤC 3
Khung nhiệm vụ, giải pháp cải thiện Chỉ số PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX
của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|----------|--|----------------------------|----------------------------|--|----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| I | NHÓM NHIỆM VỤ CHUNG | | | | |
| 1 | Ban hành kế hoạch và phổ biến, quán triệt kế hoạch thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số về cải cách hành chính (PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX) tỉnh năm 2023 cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị | Phòng Nội vụ | Văn phòng HĐND & UBND | Hội nghị phổ biến, quán triệt nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về nội dung, các giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số về cải cách hành chính (PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX) | Trước ngày 15/6/2023 |
| 2 | Thực hiện thông tin, tuyên truyền những kết quả đạt được, những mặt tích cực liên quan các chỉ số về cải cách hành chính (PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX); đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số. | Phòng Văn hóa và Thông tin | Trung tâm Văn hóa-Thể thao | Tuyên truyền tới đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về mục đích, ý nghĩa và kết quả Chỉ số về cải cách hành chính (PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX) của tỉnh năm 2022 và những năm qua; chỉ ra những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, trách nhiệm đối với các nội dung tại Chỉ số PAPI; từ đó xác định trách nhiệm của các ngành, các cấp, các tổ chức và cá nhân trong việc cải thiện, nâng cao trong năm 2023 và những năm tiếp theo. phổ biến những nỗ lực của các | Trước ngày 30/6/2023 |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|--|-----------------------|----------------------------------|--|----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | | | | cấp, các ngành, các đơn vị trong vận hành chính quyền, thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn; những thành quả trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và địa phương; quan điểm, thái độ, quyết tâm và kết quả tỉnh đã đạt được trong thực hiện an sinh xã hội, dịch vụ công, bảo vệ môi trường, phòng chống tham nhũng, trách nhiệm giải trình của chính quyền... | |
| 3 | Nâng cấp, duy trì, cập nhật đầy đủ thông tin các Cổng thông tin điện tử của địa phương, cấp xã đảm bảo theo quy định của pháp luật | Văn phòng HĐND & UBND | Phòng Văn hóa và Thông tin | Cổng thông tin điện tử của địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy định của pháp luật Tiếp tục cập nhật, công khai kịp thời, đầy đủ và có hệ thống các thông tin về cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, ngân sách, quy định, thủ tục hành chính có liên quan trực tiếp đến đời sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, tổ chức, doanh nghiệp. | Trước ngày 30/6/2023 |
| 4 | Tăng cường công tác đối thoại, kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại địa phương. | Văn phòng HĐND & UBND | Các phòng chuyên môn, cơ quan có | Nâng cao chất lượng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết thủ tục hành chính | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----------|--|----------------------------------|--|--|----------------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | | | liên quan | và trả lời, giải quyết dứt điểm các kiến nghị của doanh nghiệp, góp phần củng cố niềm tin của doanh nghiệp vào hệ thống chính quyền. | |
| 5 | Tham mưu thực hiện tốt công tác tiếp công dân định kỳ; việc tiếp nhận, xử lý các góp ý, phản ánh kiến nghị; đối thoại, gặp gỡ với người dân, tổ chức | Văn phòng HĐND & UBND; Thanh tra | Các phòng chuyên môn, cơ quan có liên quan | Thực hiện tiếp công dân định kỳ đảm bảo theo quy định của pháp luật; Tiếp nhận, xử lý các góp ý, phản ánh kiến nghị và thông báo kết quả công khai đầy đủ những nội dung đã tiếp nhận, xử lý, phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức. | Thường xuyên |
| 6 | Tập trung kiểm tra công vụ; nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành trong các cơ quan hành chính nhà nước | | | Thực hiện nghiêm Công văn số 2952/UBND-NC Công điện số 280/CD-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm trong giải quyết công việc; | |
| 7 | Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số | | | Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ tuyên truyền chuyển đổi số cộng đồng trong việc tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp về tiện ích, thúc đẩy thực hiện giao dịch dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh. | Báo cáo kết quả hằng tháng |
| II | CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP | | | | |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|---|-------------------------------------|--|--|----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | TỈNH (PCI) | | | | |
| 1 | Tăng cường công tác cải cách hành chính, cắt giảm các thủ tục gây phiền hà cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh; Xây dựng phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính và Quy chế phối hợp giải quyết liên thông các thủ tục hành chính có liên quan với nhau để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đăng ký kinh doanh; các thủ tục hành chính liên quan đến triển khai dự án đầu tư tại địa phương. | Văn phòng HĐND & UBND; Thanh tra | Các phòng chuyên môn, cơ quan có liên quan | Thực hiện rút ngắn thời gian đăng ký thành lập, thay đổi, bổ sung: Đăng ký kinh doanh; rút ngắn thời gian thẩm định thủ tục hành chính cấp Giấy phép môi trường. | |
| 2 | Phối hợp rà soát, điều chỉnh, bổ sung các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn vào Danh mục dự án trọng điểm thu hút đầu tư vào tỉnh giai đoạn 2021-2025. | Phòng Kinh tế hạ tầng/Phòng Kinh tế | Các phòng chuyên môn, cơ quan có liên quan | | |
| 3 | Thực hiện công tác xúc tiến tập trung thu hút các dự án đầu tư vào các Cụm công nghiệp và các dự án phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn | Phòng Kinh tế hạ tầng/Phòng Kinh tế | Các phòng chuyên môn, cơ quan có liên quan | | |
| 4 | Thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong Cụm công nghiệp tại địa phương | Phòng Kinh tế hạ tầng/Phòng Kinh tế | Các phòng chuyên môn có liên quan | | |
| 5 | Tập trung triển khai các giải pháp nhằm cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đất đai. thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, sớm bàn giao mặt bằng sạch cho các doanh | Phòng Tài nguyên và Môi trường | UBND các xã, phường, thị trấn, Ban QLDAĐT XD | Các dự án của các doanh nghiệp được giao mặt bằng sạch đúng tiến độ | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|------------|--|--|---------------------------------------|---|--|----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | nghịệp để triển khai dự án | | | và PTQĐ | | |
| 6 | Tăng cường quản lý nhà nước về đất đai; điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030 để phù hợp với quy hoạch tỉnh. | | Phòng Tài nguyên và Môi trường | | | |
| 7 | Cung cấp và công khai kịp thời các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch đầu tư công, kế hoạch vốn ngân sách, quy hoạch ngành, lĩnh vực, danh mục dự án thu hút đầu tư; các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư. | | Văn phòng HĐND & UBND; Thanh tra | Các phòng chuyên môn, cơ quan có liên quan | | |
| 8 | Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội | | Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội | Bảo hiểm xã hội | | |
| 9 | Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, dạy nghề trong các cơ sở đào tạo nghề công lập. Thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo thường xuyên, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề đảm bảo cung ứng lao động có tay nghề cho các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh tại địa phương | | Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội | Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Dạy nghề | | |
| III | CHỈ SỐ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI) | | | | | |
| 1 | Tham gia của người dân ở cấp cơ sở | Thực hiện tốt việc tuyên truyền, phổ biến và tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức cán bộ, công chức cấp xã về Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy định | Phòng Nội vụ; Phòng Tư pháp | Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội | Nâng cao kiến thức, kỹ năng của cán bộ, công chức cấp xã về thực hiện Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở; Người dân hiểu và thực hiện đúng các quy định của pháp luật, | Trước ngày 31/8/2023 |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|---|---|---------------------------------------|---|--|----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | | <p>của pháp luật có liên quan; Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện</p> | | | nâng cao trình độ, nhận thức, ý thức đầy đủ về quyền lợi và trách nhiệm của mình tham gia vào đời sống chính trị ở cơ sở. | |
| | | <p>Tăng cường các kênh truyền thông, hình thức truyền thông, thời lượng truyền thông, tần suất truyền thông tới cộng đồng, tới các khu vực dân cư, tới tận người dân phù hợp với điều kiện kinh tế, trình độ, xu hướng của từng nhóm đối tượng và khu vực dân cư. Chủ động về thời điểm thông tin, nội dung thông tin, tạo điều kiện thuận lợi để người dân kịp thời, dễ dàng tiếp cận thông tin chính thống; chỉ dẫn cách thức, địa điểm, thời gian tiếp cận thông tin; hướng dẫn người dân xử lý thông tin.</p> | Trung tâm Văn hóa-Thể thao | Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội | Nâng cao sự hiểu biết về chính sách, pháp luật; quyền lợi, nghĩa vụ của người dân trong quá trình sinh sống, học tập, làm việc tại địa phương; trách nhiệm tham gia các hoạt động và đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền cơ sở; Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở; các nội dung, vấn đề mà người dân có quyền được biết, được bàn, được tham gia thực hiện hoặc kiểm tra, giám sát việc thực hiện; trách nhiệm của chính quyền, cán bộ, công chức cấp xã, của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và của Nhân dân trong thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; | |
| 2 | Công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách | Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện quy trình rà soát, xét duyệt và công khai các hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và giải quyết các chế độ chính sách xã hội đảm bảo theo đúng quy định | Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội | | Phổ biến, mở rộng các kênh giao tiếp thông tin với người dân qua các hình thức ứng dụng trực tuyến, thư điện tử; có cơ chế giám sát việc giải quyết phản ánh của người dân | Theo quy định |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|--|---|--|--|----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | Kiểm tra, hướng dẫn công khai thu, chi ngân sách theo quy định. | Phòng Tài chính và Kế hoạch | | công khai thu, chi ngân sách theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính | |
| | Kiểm tra, rà soát việc thực hiện công khai, minh bạch, kịp thời các quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, khung giá đền bù thu hồi đất; các quy định, chính sách liên quan đến đền bù, hỗ trợ, giải tỏa, tái định cư tại địa phương. | Phòng Tài nguyên và Môi trường | | Thực hiện Tổ công tác giải quyết những phản ánh, kiến nghị của người dân theo đúng thẩm quyền; hướng dẫn người dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định của pháp luật | Theo quy định |
| 3 | Trách nhiệm giải trình với người dân | Thực hiện nghiêm lịch tiếp công dân định kỳ; tổ chức gặp gỡ, đối thoại trực tiếp giữa Ủy ban nhân dân cấp huyện với tổ chức, công dân theo quy định và khi có vấn đề người dân bức xúc cần chính quyền giải quyết; giải quyết những phản ánh, kiến nghị của người dân theo đúng thẩm quyền; hướng dẫn người dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định của pháp luật | Ban Tiếp công dân; Thanh tra cấp huyện | Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan | |
| | | Tổ chức kiểm tra đánh giá việc thực hiện trách nhiệm giải trình ở chính quyền cấp cơ sở; Rà soát, đánh giá chất lượng có kế | Thanh tra cấp huyện | Các cơ quan có liên quan | |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | |
|-----|--|---|----------------------|--|--|---------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | | |
| | | hoạch bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức tiếp dân, Ban Thanh tra nhân dân | | | | |
| | | Đẩy mạnh hoạt động trợ giúp pháp lý tại các địa bàn khu dân cư | Phòng Tư pháp | Trung tâm Trợ giúp pháp lý; Hội Luật gia | | |
| 4 | Kiểm soát tham nhũng khu vực công | Thực hiện thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công khai rộng rãi báo cáo kết quả phòng, chống tham nhũng; xử lý nghiêm các trường hợp tham nhũng, tiêu cực tại đại phương | Thanh tra | | Tập trung thanh tra, kiểm tra, ở những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực và có nhiều khiếu nại, khiếu kiện kéo dài; quan tâm giải quyết dứt điểm những vụ việc gây bức xúc trong nhân dân. | Thường xuyên |
| | | Thực hiện tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập, tuyển dụng công chức cấp xã đảm bảo theo quy định của pháp luật. | Phòng Nội vụ | Các cơ quan có liên quan | tuyển dụng công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật, đảm bảo tuyển dụng người có năng lực tốt, quan tâm đến chất lượng, chuẩn hóa đầu vào đối với đội ngũ công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh. | Theo Kế hoạch |
| 5 | Thủ tục hành chính công | Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng các dịch vụ công do Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp để nâng cao chất lượng phục vụ; tăng cường giám sát hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả | Văn phòng HĐND&UBND; | Phòng Nội vụ; Phòng Tư pháp | Thực hiện niêm yết công khai các TTHC đã được UBND tỉnh công bố theo quy định. Thực hiện đúng quy trình, quy định về giải quyết thủ tục hành chính (nhất là lĩnh vực đất đai); | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|------------------------------|--|-----------------------------|--|---|--------------------------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | | kết quả cấp xã, nhất là trách nhiệm của cán bộ, công chức thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân | | | thực hiện nghiêm việc xin lỗi người dân, tổ chức nếu để xảy ra tình trạng hồ sơ trễ hạn; | |
| | | Các cơ quan, đơn vị có tham gia giải quyết hồ sơ liên thông phải xử lý hồ sơ và chuyển kết quả cho cơ quan chủ trì đúng theo thời hạn quy định trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính | Văn phòng HĐND&UBND | Các cơ quan chuyên môn; Chi cục Thuế, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, UBND xã, phường, thị trấn | Các cơ quan, đơn vị phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong việc giải quyết các hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông | Báo cáo kết quả thực hiện hằng tháng |
| | | Rà soát, tham mưu thực hiện đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất các trạm y tế tuyến xã; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền | Phòng Tài chính và Kế hoạch | Các phòng chuyên môn có liên quan | Tiếp tục rà soát lại toàn bộ trường Tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh; báo cáo hiện trạng và tập trung vào các tiêu chí sau: Lốp học là nhà kiên cố; nhà vệ sinh sạch sẽ; học sinh có nước uống sạch ở trường; học sinh không phải học ca ba; | |
| 6 | Cung ứng dịch vụ công | Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên về năng lực, kỹ năng giảng dạy và phẩm chất đạo đức của giáo viên, nhất là đội ngũ giáo viên tiểu học Chấn chỉnh tình trạng dạy thêm, bắt | Phòng Giáo dục và Đào tạo | Các phòng chuyên môn có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã | giáo viên không ưu ái học sinh học thêm; giáo viên có trình độ sư phạm tốt; phụ huynh thường xuyên nhận được phản hồi; nhà trường công khai việc thu, chi với phụ huynh học sinh | |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|----------------------------|--|--------------------------------|------------------------------|---|----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | | ép học sinh học thêm; thực hiện các khoản thu của Hội phụ huynh học sinh không đúng quy định, các khoản thu, đóng góp gây ảnh hưởng xấu trong dư luận tại địa phương | | | | |
| | | Triển khai các phương án giữ vững an ninh, trật tự trên địa bàn khu dân cư thực hiện nghiêm túc các chương trình, mục tiêu quốc gia về phòng, chống tội phạm, kéo giảm số vụ phạm pháp hình sự; không để xảy ra các hoạt động côn đồ và các loại tội phạm mới. | Công an huyện | Công an xã, phường, thị trấn | Tình hình an ninh, trật tự được giữ vững ổn định. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc được đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả; các mô hình về an ninh trật tự được nhân rộng; các khu dân cư, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp đều đăng ký đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự. | Thường xuyên |
| | | Nâng cấp lưới điện; bê tông hóa các tuyến đường nông thôn; thực hiện tốt dịch vụ thu gom rác thải ở các khu vực địa bàn dân cư | UBND cấp huyện | UBND cấp xã; thôn, khu phố | Đảm bảo cung cấp điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sinh hoạt của người dân. | Trước ngày 31/8/2023 |
| 7 | Quản trị môi trường | Thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý rác thải và vệ sinh môi trường | Phòng Tài nguyên và Môi trường | UBND cấp xã | Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới (ngày 5/6/2023) nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý rác thải và vệ sinh môi trường trong khu dân cư | Trước ngày 31/8/2023 |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|---|---------------------|----------|--|----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | Tăng cường công tác quản lý và chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; | | | <p>Triển khai có hiệu quả Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các Nghị định, Thông tư thực hiện thanh tra, kiểm tra giám sát bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm (nếu có)..</p> <p>Kiểm tra, rà soát những điểm nóng về ô nhiễm môi trường để có giải pháp, biện pháp xử lý.</p> <p>Tổ chức thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình; nâng cao chất lượng thẩm định hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường; tiếp nhận và xử lý kịp thời, không để tồn đọng các đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo về ô nhiễm môi trường theo thẩm quyền;</p> | Thường xuyên |
| | Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường ở địa phương huy động các nguồn lực, xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường | | | <p>thực hiện tốt công tác rà soát, đánh giá chất lượng nguồn nước và không khí để có những hành động kịp thời, trong đó cần huy động người dân tham gia cải thiện điều kiện môi sinh khuyến khích cá nhân, tổ chức và cộng đồng tham gia hoạt động bảo vệ môi trường, đặc biệt là các hoạt động thu gom rác thải tại các khu vực dân cư chưa được thu gom xử lý</p> | Trước ngày 31/8/2023 |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|-------------------------|---|---------------------|---|--|----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | | | | | rác thải sinh hoạt tại khu dân cư. | |
| 8 | Quản trị điện tử | Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông hiện đại, đảm bảo cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin nhằm thúc đẩy phát triển chính quyền điện tử tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn | | | | Trước ngày 31/8/2023 |
| | | Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến đến người dân biết và sử dụng cổng thông tin điện tử của tỉnh; trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc khai thác tìm hiểu những chính sách, pháp luật của tỉnh, của các địa phương. | | Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị-xã hội tại địa phương | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các Tổ chuyển đổi số cộng đồng đồng tuyên truyền, phổ biến đến người dân được biết và sử dụng, khai thác thông tin trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh; Cổng/Trang thông tin điện tử các cơ quan nhà nước. - Thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn người dân tìm hiểu thông tin về thủ tục hành chính và nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, | |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----------|---|--|-----------------------------------|---|---|----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | | | | | Công Dịch vụ công quốc gia. | |
| | Xử lý kịp thời 100% các phản ánh, kiến nghị thuộc trách nhiệm của cơ quan trên Hệ thống tiếp nhận, giải quyết phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân tỉnh | | Văn phòng HĐND&UBND | Các phòng chuyên môn có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã | | |
| IV | CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (PAR INDEX) VÀ CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (SIPAS) | | | | | |
| 1 | Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính | Kịp thời báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế trong các đợt kiểm tra | Các địa phương được kiểm tra | - Sở Nội vụ - Văn phòng UBND tỉnh | 100% các địa phương được kiểm tra có báo cáo khắc phục các tồn tại hạn chế mà các Đoàn kiểm tra CCHC đã chỉ ra | Tháng 11/2023 |
| | | Đăng ký sáng kiến mới, giải pháp, biện pháp cải tiến đầy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính trên các lĩnh vực | UBND các huyện, thị xã, thành phố | | Phấn đấu có sáng kiến, giải pháp được công nhận trong kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính tỉnh năm 2023. | Trước ngày 30/6/2023 |
| 2 | Cải cách thể chế | Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Tư pháp | 100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định | Thường xuyên |
| 3 | Cải cách thủ tục hành chính | Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính | UBND các huyện, thị xã, thành phố | - Văn phòng UBND tỉnh | Thực hiện việc cập nhật tiến độ, kết quả giải quyết 100% hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. | Báo cáo hằng tháng |
| | | Đưa thủ tục hành chính ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Công an; Bảo hiểm xã hội | | Trước ngày 30/6/2023 |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | |
|-----|---|--|--|---|--|-----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | | |
| | Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã theo danh mục được phê duyệt | thành phố | | | | |
| | Triển khai thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã | Văn phòng HĐND&UBND | Bru điện; các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan | Rà soát, bố trí người có đủ năng lực chuyên môn, có đạo đức tốt, có kinh nghiệm và kỹ năng giao tiếp làm việc tại Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã | Theo Kế hoạch phê duyệt | |
| 4 | Cải cách tổ chức bộ máy hành chính | Rà soát, sắp xếp, giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nội vụ | Sắp xếp giảm các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện | Trước ngày 31/12/2023 |
| 5 | Cải cách chế độ công vụ | Thực hiện đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp của tỉnh; | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nội vụ | Hoàn thành việc thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trên Hệ thống thông tin quản lý cán bộ công chức, viên chức Quốc gia do Bộ Nội vụ triển khai | Trước ngày 31/12/2023 |
| 6 | Cải cách tài chính công | thực hiện giải ngân theo chỉ tiêu, kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước được giao năm 2023 | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thực hiện giải ngân 100% theo chỉ tiêu, kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước được giao năm 2023 | Trước ngày 31/12/2023 |
| | | Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Tài chính | thực hiện đảm bảo đúng tiến độ, thời gian theo Kế hoạch đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình | Theo Kế hoạch |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | |
|-----|--|--|-----------------------------------|--|---|----------------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | | |
| | - 2025 và dự kiến đến năm 2030 | | | Định giai đoạn 2022 - 2025 và dự kiến đến năm 2030 | | |
| 7 | Xây dựng và phát triển Chính quyền điện, Chính quyền số | Thực hiện giải quyết hồ sơ TTHC toàn trình và thanh toán trực tuyến | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Văn phòng UBND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ “Số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình/Tổng số dịch vụ công đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình” đạt 100%; - Tỷ lệ “hồ sơ giải quyết trực tuyến của dịch vụ công trực tuyến toàn trình/Tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của dịch vụ công trực tuyến toàn trình” đạt 40%; - Tỷ lệ “Thủ tục hành chính có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến/Tổng số thủ tục hành chính đang triển khai thanh toán trực tuyến” đạt 100%; - Tỷ lệ “Thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia/Tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công” đạt 35%. | Báo cáo kết quả hằng tháng |
| | | Thúc đẩy thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện. | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Văn phòng UBND tỉnh | đạt tỷ lệ từ 60% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan cấp huyện | |

PHỤ LỤC 4
Khung nhiệm vụ, giải pháp cải thiện Chỉ số PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX
của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|----------|--|-------------------------------|--|---|----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| I | NHÓM NHIỆM VỤ CHUNG | | | | |
| 1 | Ban hành kế hoạch và phổ biến, quán triệt kế hoạch thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số về cải cách hành chính (PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX) tỉnh năm 2023 cho đội ngũ cán bộ, công chức của địa phương | UBND các xã, phường, thị trấn | Đảng ủy, HĐND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội cấp xã | Tổ chức tuyên truyền, quán triệt nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức về nội dung, các giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số về cải cách hành chính (PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX) | Trước ngày 15/6/2023 |
| 2 | Thực hiện thông tin, tuyên truyền những kết quả đạt được, những mặt tích cực liên quan các chỉ số về cải cách hành chính (PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX); đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về công tác cải cách hành chính và thực hiện chuyển đổi số. | UBND các xã, phường, thị trấn | Đảng ủy, HĐND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội cấp xã | Tuyên truyền tới đội ngũ cán bộ, công chức, về mục đích, ý nghĩa và kết quả Chỉ số về cải cách hành chính (PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX) của tỉnh năm 2022 và những năm qua; chỉ ra những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, trách nhiệm đối với các nội dung; từ đó xác định trách nhiệm của các ngành, các cấp, các tổ chức và cá nhân trong việc cải thiện, nâng cao trong năm 2023 và những năm tiếp theo. | Trước ngày 30/6/2023 |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----------|---|-------------------------------|---|--|----------------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| 3 | Tăng cường kiểm tra, giám sát thực thi công vụ; nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ; phục vụ người dân, doanh nghiệp | UBND các xã, phường, thị trấn | Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội cấp xã | Chấn chỉnh, xử lý nghiêm công chức, viên chức vi phạm kỷ luật kỷ cương hành chính; có hành vi những nhiều tiêu cực trong giải quyết thủ tục hành chính đối với người dân, doanh nghiệp | Thường xuyên |
| 4 | Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ tuyên truyền chuyển đổi số cộng đồng | UBND các xã, phường, thị trấn | Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội cấp xã | Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số; tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp về tiện ích, thúc đẩy thực hiện giao dịch dịch vụ công trực tuyến tại địa phương. | Báo cáo kết quả hàng tháng |
| II | CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI) | | | | |
| 1 | Tập trung triển khai các giải pháp nhằm rút ngắn thời gian (không quá 03 ngày làm việc) thực hiện trả lời, phúc đáp các văn bản đề xuất, các văn bản đề nghị phối hợp của các cơ quan cấp trên liên quan đến các nội dung triển khai dự án đầu tư tại địa phương. | | | | |
| 2 | Phối hợp thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền và thực hiện đảm bảo theo quy định về bồi thường, giải phóng mặt bằng có những giải pháp sớm bàn giao mặt bằng sạch cho các doanh nghiệp để triển khai dự án | | | | |
| 3 | Tăng cường quản lý nhà nước về đất đai; đề xuất điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tại địa phương giai đoạn 2021-2030 để phù hợp với quy hoạch tỉnh. | | | | |
| 4 | Cung cấp và công khai kịp thời các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch đầu tư công, kế hoạch vốn ngân sách, quy hoạch ngành, lĩnh vực, danh mục dự án thu hút đầu tư; các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư. | | | | |
| 5 | Thực hiện theo đúng các quy định, phương án đơn giản hóa, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính; quy chế phối hợp giải quyết liên thông các thủ tục hành chính có liên quan với nhau để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính. | | | | |
| 6 | Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội biến các chính sách hỗ trợ đào tạo thường xuyên, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề | | | | |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|------------|--|-------------------------------|---------------|--|----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| III | CHỈ SỐ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI) | | | | |
| 1 | <p>Tham gia của người dân ở cấp cơ sở</p> <p>Tuyên truyền, phổ biến Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, Luật Tiếp cận thông tin bằng nhiều hình thức. Nội dung tuyên truyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết về chính sách, pháp luật trong những lĩnh vực gần gũi, sát với đời sống người dân (dịch vụ tư pháp, đất đai, xây dựng, TTHC cấp xã); quyền lợi, nghĩa vụ của người dân trong quá trình sinh sống, học tập, làm việc tại địa phương; - Trách nhiệm tham gia các hoạt động và đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền cơ sở; - Các nội dung, vấn đề mà người dân có quyền được biết, được bàn, được tham gia thực hiện hoặc kiểm tra, giám sát việc thực hiện; - Trách nhiệm của chính quyền, cán bộ, công chức cấp xã, của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và của Nhân dân trong thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; - Phổ biến những nỗ lực của các cấp, các ngành, các đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn; - Những thành quả trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và địa | UBND các xã, phường, thị trấn | Thôn, khu phố | <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản triển khai; - Tin, bài tuyên truyền; - Báo cáo về kết quả công tác tuyên truyền của cơ quan, đơn vị, địa phương trên các Đài truyền thanh, Cổng thông tin điện tử xã, phường, thị trấn, các nền tảng (zalo, facebook...). | Trước ngày 31/8/2023 |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|---|-------------------------------|---------------|--|----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | phương; quan điểm, thái độ, quyết tâm và kết quả tình đã đạt được trong thực hiện an sinh xã hội, dịch vụ công, bảo vệ môi trường, phòng chống tham nhũng, trách nhiệm giải trình của chính quyền. | | | | |
| | Phổ biến, mở rộng các kênh giao tiếp thông tin với người dân qua các hình thức ứng dụng trực tuyến, thư điện tử; có cơ chế giám sát việc giải quyết phản ánh của người dân. | UBND các xã, phường, thị trấn | Thôn, khu phố | Người dân hiểu và thực hiện đúng các quy định của pháp luật, nâng cao trình độ, nhận thức, ý thức đầy đủ về quyền lợi và trách nhiệm của mình tham gia vào đời sống chính trị ở cơ sở. | Trước ngày 31/8/2023 |
| | Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố theo đúng quy định tại hướng dẫn Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. | UBND các xã, phường, thị trấn | Thôn, khu phố | Thực hiện bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố theo đúng quy định và đảm bảo tính công khai, minh bạch, dân chủ, phát huy tinh thần đoàn kết trong khu dân cư | Trước ngày 31/8/2023 |
| | Tổ chức kiểm tra, thường xuyên khắc phục, chấn chỉnh những sai phạm trong việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của người dân vào xây dựng các công trình mục đích công cộng; công khai các khoản đóng góp của người dân. | UBND các xã, phường, thị trấn | Thôn, khu phố | Người dân hiểu và thực hiện đúng các quy định của pháp luật, nâng cao trình độ, nhận thức, ý thức đầy đủ về quyền lợi và trách nhiệm của mình tham gia vào đời sống chính trị ở cơ sở. | Trước ngày 31/8/2023 |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|---|--|-------------------------------|--|--|---|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | | Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến về chính sách, pháp luật tại các địa phương. | UBND các xã, phường, thị trấn | Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội cấp xã | - Văn bản triển khai. - Báo cáo kết quả thực hiện. Thường xuyên | Thường xuyên |
| 2 | Công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách | Tiến hành rà soát thực hiện việc công khai, cập nhật đầy đủ các nội dung để người dân biết, theo dõi, giám sát theo quy định: Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; Công khai, minh bạch thu chi ngân sách cấp xã; Công khai bảng giá đất khi được UBND tỉnh ban hành; Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương; các dự án về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm tại địa phương, phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư có ảnh hưởng trực tiếp đến người dân trên địa bàn; thông tin cán bộ trực tiếp giải quyết công việc cho dân, các khoản huy động nhân dân đóng góp; giải quyết thủ tục hành chính, chứng thực, kết quả bầu cử,.... | UBND các xã, phường, thị trấn | Đảng ủy, HĐND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội cấp xã | Thực hiện công khai, minh bạch bằng nhiều hình thức như trên Trang thông tin điện tử, loa truyền thanh, bố trí bảng thông tin và niêm yết tại trụ sở xã, phường, thị trấn, trụ sở thôn, khu phố, làng. | Trước ngày 31/8/2023 |
| | | Công khai phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | UBND các xã, phường, thị trấn | Các cơ quan, doanh nghiệp có liên quan | Thực hiện công khai theo quy định. | Công khai kịp thời sau khi phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt |
| 3 | Trách nhiệm | Tổ chức gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại | UBND các xã, | Đảng ủy, | | Theo quy định |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|---|--|---|--|------------------------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | giải trình với người dân | giữa người dân với chính quyền cơ sở nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là các nội dung người dân đánh giá thấp trong chỉ số PAPI 2022. | phường, thị trấn | HĐND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội cấp xã | |
| | Thực hiện tốt công tác tiếp công dân: bố trí đầy đủ người đứng chức trách, đủ thẩm quyền; người đứng đầu cơ quan, đơn vị đảm bảo lịch trực tiếp tiếp công dân định kỳ; rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ công chức tiếp dân, có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức tiếp dân. | UBND các xã, phường, thị trấn | HĐND; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội cấp xã | Văn bản về giải quyết những phản ánh, kiến nghị của người dân theo đúng thẩm quyền; hướng dẫn người dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định của pháp luật. | Báo cáo kết quả thực hiện hằng quý |
| | Thường xuyên tiếp thu ý kiến đóng góp, kiến nghị, phát giác, thắc mắc của người dân; thực hiện giải đáp, xử lý, điều chỉnh kịp thời, đúng quy định những ý kiến của người dân; kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét đối với nội dung liên quan hộ nghèo, hộ cận nghèo và chính sách cho người nghèo. | UBND các xã, phường, thị trấn | HĐND; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội cấp xã | Các văn bản triển khai thực hiện | Báo cáo kết quả thực hiện hằng quý |
| | Tăng cường tuyên truyền phổ biến pháp luật tới người dân, đẩy mạnh các mô hình, hoạt động trợ giúp pháp lý. Khuyến khích các mô hình | UBND các xã, phường, thị trấn | Trung tâm trợ giúp pháp lý; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và | - Các văn bản triển khai; - Báo cáo kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật. | Báo cáo kết quả thực hiện hằng quý |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | |
|-----|---|---|--------------------------------------|--|--|----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | | |
| | <p>hỗ trợ tư vấn pháp lý cộng đồng;</p> <p>Rà soát, đánh giá và cử tham gia bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức tiếp dân; người người tham gia Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng.</p> | | các đoàn thể chính trị xã hội cấp xã | | | |
| 4 | Kiểm soát tham nhũng công | <p>Công khai đầy đủ quy trình, thời gian, phí, lệ phí giải quyết TTHC theo quy định.</p> <p>Tăng cường kiểm tra, giám sát thực thi công vụ của cán bộ, công chức, nhất là thực hiện giải quyết hồ sơ TTHC tại đơn vị.</p> | UBND các xã, phường, thị trấn | Bộ phận một cửa cấp xã | Công khai tại Bộ phận Một cửa; Công dịch vụ Hành chính công; Công Thông tin điện tử tỉnh; Kế hoạch kiểm tra; kết luận kiểm tra; báo kết quả khắc phục sau kiểm tra. | Báo cáo hằng tháng |
| | | <p>Rà soát việc thực hiện công khai, minh bạch trong việc lựa chọn, bố trí người hoạt động không chuyên trách, bầu cử các chức danh trong hệ thống chính trị cấp xã tại địa phương.</p> | UBND các xã, phường, thị trấn | Đảng ủy, HĐND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội cấp xã | Báo cáo kết quả thực hiện công khai, minh bạch trong việc lựa chọn, bố trí người hoạt động không chuyên trách làm việc tại đơn vị mình; bầu cử các chức danh trong hệ thống chính trị cấp xã tại địa phương. | Trước ngày 31/8/2023 |
| | | <p>Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng.</p> | UBND các xã, phường, thị trấn | Đảng ủy, HĐND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội cấp xã | Nâng cao chất lượng hoạt động, hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; Hội đồng nhân dân cấp xã. | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|--------------------------------|---|-------------------------------|-------------------------------|---|----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| 5 | Thủ tục hành chính công | Giải quyết các thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền (nhất là thủ tục xác nhận nguồn gốc đất tại địa phương) đảm bảo đúng quy định. | UBND các xã, phường, thị trấn | Các cơ quan có liên quan | Định kỳ hàng tuần, hàng tháng tổng hợp, đánh giá tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính và có biện pháp khắc phục đối với những hồ sơ trễ hạn, phải xác nhận nhiều lần, làm ảnh hưởng đến tiến độ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. | Thường xuyên |
| | | Nâng cao chất lượng Bộ phận một cửa cấp xã. | UBND các xã, phường, thị trấn | Bưu điện tỉnh | Triển khai thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. | Trước ngày 30/9/2023 |
| 6 | Cung ứng dịch vụ công | Tuyên truyền chính sách bảo hiểm y tế để góp phần tăng tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế. Thực hiện có hiệu quả công tác cấp, phát thẻ bảo hiểm y tế, nhất là việc rà soát cấp, phát thẻ cho hộ nghèo. | UBND các xã, phường, thị trấn | Bảo hiểm xã hội | | |
| | | Thực hiện tốt phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc, phòng, chống tội phạm; quan tâm xây dựng, củng cố các tổ chức nòng cốt làm công tác đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở; phát huy hiệu quả các mô hình bảo | Công an xã, phường, thị trấn | UBND các xã, phường, thị trấn | Báo cáo kết quả thực hiện; nhân rộng các mô hình về an ninh trật tự được nhân rộng; các khu dân cư, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp đều đăng ký đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự. | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | |
|-----|--|---|----------------------------------|----------------------------------|--|----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | | |
| | vệ an ninh trật tự ở khu dân cư..., không để phát sinh diễn biến phức tạp hoặc tạo thành điểm nóng về an ninh trật tự tại địa phương. | | | | | |
| | Rà soát, đề xuất cải thiện cơ sở hạ tầng căn bản tại địa phương; nâng cấp lưới điện nhằm đảm bảo cung cấp điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sinh hoạt của người dân; thực hiện bê tông hóa các tuyến đường ở nông thôn; triển khai dịch vụ thu gom, xử lý rác thải, nước thải ở các khu vực, địa bàn dân cư, nhất là tại các vùng nông thôn. | UBND các xã, phường, thị trấn | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Báo cáo kết quả thực hiện | Báo cáo kết quả thực hiện trước ngày 31/8/2023 | |
| 7 | Quản trị môi trường | Tổ chức các hình thức tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng vệ sinh môi trường. | UBND các xã, phường, thị trấn | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Các văn bản triển khai và báo cáo kết quả công tác tuyên truyền | Trước ngày 31/8/2023 |
| | | Thực hiện tốt công tác quản lý và chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; giải quyết những khiếu nại, tố cáo của người dân về vấn đề môi trường ở địa phương. | UBND các xã, phường, thị trấn | Thôn, khu phố | Các văn bản triển khai và báo cáo kết quả công tác tuyên truyền. | Trước ngày 31/8/2023 |
| | | Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý rác thải và vệ sinh môi trường. Triển khai các dự án nạo vét các thủy vực ô nhiễm môi trường, xử lý các | UBND các xã, phường, thị trấn | Thôn, khu phố | Phát động phong trào toàn dân dọn vệ sinh nơi công cộng; triển khai các công trình tự quản về bảo vệ môi trường do các hội, đoàn thể thực hiện; tổ | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | |
|-----------|---|--|---|---|---|----------------------|
| | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | | |
| | nguồn nước thải, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng. | | | chức mô hình tự giám sát trong nhân dân, phản ánh hiện trường; đưa nội dung cam kết bảo vệ môi trường vào hương ước, quy ước tại khu dân cư | | |
| 8 | Quản trị điện tử | Thông tin, tuyên truyền, phổ biến đến người dân biết và sử dụng Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước. | Tổ tuyên truyền chuyên đổi số cộng đồng | Thôn, khu phố | Tỷ lệ trên 80% người dân trên địa bàn biết và sử dụng Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử địa phương; khai thác tìm hiểu những chính sách, pháp luật của tỉnh, của địa phương Nâng cao chất lượng, đổi mới giao diện theo hướng thân thiện, dễ tiếp cận các Cổng/Trang thông tin điện tử địa phương | Trước ngày 31/8/2023 |
| | | Tổ chức tiếp nhận, xử lý các góp ý, phản ánh kiến nghị. | UBND các xã, phường, thị trấn | Ban Thanh tra nhân dân | 100% các góp ý, phản ánh, kiến nghị được xử lý và có thông báo kết quả những nội dung đã tiếp nhận, xử lý, phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức. | Thường xuyên |
| | | Tuyên truyền tới người dân về tiện ích mạng Internet đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao nhận thức và hành vi sử dụng mạng Internet hiệu quả, văn minh, đúng pháp luật. | Tổ tuyên truyền chuyên đổi số cộng đồng | Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội cấp xã | Các văn bản triển khai và Báo cáo kết quả công tác tuyên truyền | Thường xuyên |
| IV | CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (SIPAS) | | | | | |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|----------|--|--|-------------------------------|---|--|----------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| 1 | Việc ban hành, chức năng thực hiện các chính sách | Tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách của trung ương và của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để người dân có thể tham gia góp ý chính sách. | UBND các xã, phường, thị trấn | Tổ, Khu phố, Thôn, Ban Thanh tra nhân dân | Báo cáo kết quả thực hiện | Thường xuyên |
| 2 | Việc cung ứng dịch vụ hành chính công | Bố trí cán bộ, công chức, người làm việc làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp xã đáp ứng được sự hài lòng của tổ chức công dân | UBND các xã, phường, thị trấn | Phòng Nội vụ | Rà soát, bố trí cán bộ, công chức có chuyên môn, ạo đức tốt, kỹ năng giao tiếp làm việc tại Bộ phận Một cửa. | Thường xuyên |
| | | Kiểm tra, theo dõi đánh giá kết quả giải quyết công việc, giải quyết thủ tục hành chính đối với công chức, viên chức của đơn vị. Xử lý nghiêm các công chức có hành vi tiêu cực, những nhiều trong giải quyết công việc cho người dân. | UBND các xã, phường, thị trấn | Phòng Nội vụ | - Báo cáo kết quả giải quyết thủ tục hành chính định kỳ hằng tháng - Xử lý 100% các vấn đề tiêu cực phát hiện qua kiểm tra, theo dõi. | Thường xuyên |
| | | Thực hiện niêm yết công khai đường dây nóng, các quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức | UBND các xã, phường, thị trấn | Ban Thanh tra nhân dân | Người dân, doanh nghiệp biết đến đường dây nóng và các quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị. | Thường xuyên |
| V | CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (PAR INDEX) | | | | | |
| 1 | Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính | Kịp thời báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế trong các đợt kiểm tra | UBND các xã, phường, thị trấn | Phòng Nội vụ | 100% các địa phương được kiểm tra có báo cáo khắc phục các tồn tại hạn chế mà các Đoàn kiểm tra CCHC đã chỉ ra | Tháng 11/2023 |
| 2 | Cải cách thể chế | Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban | UBND các xã, phường, thị trấn | Phòng Tư pháp | 100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng thẩm | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|--|---|-------------------------------|-----------------------------|--|----------------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | | hành văn bản quy phạm pháp luật, | trấn | | quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định | |
| 3 | Cải cách thủ tục hành chính | Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính | UBND các xã, phường, thị trấn | Văn phòng UBND tỉnh | Thực hiện việc cập nhật tiến độ, kết quả giải quyết 100% hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. | Báo cáo hằng tháng |
| 4 | Cải cách chế độ công vụ | Thực hiện đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ | UBND các xã, phường, thị trấn | Phòng Nội vụ | <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ từ đại học trở lên và đảm bảo đạt chuẩn theo chức danh. - Hoàn thành việc thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trên Hệ thống thông tin quản lý cán bộ công chức, viên chức Quốc gia do Bộ Nội vụ triển khai | Trước ngày 31/12/2023 |
| 5 | Cải cách tài chính công | Thực hiện giải ngân theo chỉ tiêu, kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước được giao năm 2023 | UBND các xã, phường, thị trấn | Phòng Tài chính và Kế hoạch | Thực hiện giải ngân 100% theo chỉ tiêu, kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước được giao năm 2023 | Trước ngày 31/12/2023 |
| 6 | Xây dựng và phát triển Chính quyền điện, Chính quyền số | Thực hiện giải quyết hồ sơ TTHC toàn trình và thanh toán trực tuyến | UBND các xã, phường, thị trấn | Văn phòng HĐND & UBND | <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ “Số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình/Tổng số dịch vụ công đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình” đạt 100%; - Tỷ lệ “hồ sơ giải quyết trực | Báo cáo kết quả hằng tháng |

| STT | NHIỆM VỤ THỰC HIỆN | | PHÂN CÔNG THỰC HIỆN | | KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|--------------------|---|-------------------------------|-----------------------|---|----------------------------|
| | | | CHỦ TRÌ | PHỐI HỢP | | |
| | | | | | <p>tuyển của dịch vụ công trực tuyến toàn trình/Tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của dịch vụ công trực tuyến toàn trình” đạt 40%;</p> <p>- Tỷ lệ “Thủ tục hành chính có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến/Tổng số thủ tục hành chính đang triển khai thanh toán trực tuyến” đạt 100%;</p> <p>- Tỷ lệ “Thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia/Tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công” đạt 35%.</p> | |
| | | Thúc đẩy thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã. | UBND các xã, phường, thị trấn | Văn phòng HĐND & UBND | Đạt tỷ lệ từ 55% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan cấp xã | Báo cáo kết quả hằng tháng |